

Số: 283/QĐ-SGDĐT

Quảng Ninh, ngày 25 tháng 3 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công nhận học sinh đoạt giải Kỳ thi chọn học sinh giỏi cấp tỉnh
trung học cơ sở năm 2024

GIÁM ĐỐC SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

Căn cứ Quyết định số 33/2020/QĐ-UBND ngày 08/10/2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Quảng Ninh; Quyết định số 17/2021/QĐ-UBND ngày 05/02/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 33/2020/QĐ-UBND;

Căn cứ Quyết định số 293/QĐ-SGDĐT ngày 08/02/2021 của Sở Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy chế thi chọn học sinh giỏi cấp tỉnh;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Tổ chức cán bộ và Quản lý chất lượng.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công nhận **864** học sinh đoạt giải trong Kỳ thi chọn học sinh giỏi cấp tỉnh trung học cơ sở năm 2024, gồm: 32 giải Nhất, 140 giải Nhì, 314 giải Ba và 378 giải Khuyến khích (có Danh sách chi tiết kèm theo).

Điều 2. Học sinh có tên trong Danh sách tại Điều 1 được hưởng các quyền lợi theo quy định hiện hành.

Điều 3. Các phòng giáo dục và đào tạo có trách nhiệm thông báo công khai kết quả, tổ chức trao Giấy chứng nhận học sinh giỏi cấp tỉnh do Sở Giáo dục và Đào tạo cấp cho học sinh đoạt giải và chi trả chế độ thưởng quy định tại Nghị quyết số 63/2021/NQ-HĐND ngày 09/12/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh do Sở Giáo dục và Đào tạo cấp cho học sinh, giáo viên.

Điều 4. Chánh Văn phòng; Trưởng phòng Tổ chức cán bộ và Quản lý chất lượng; Trưởng phòng giáo dục và đào tạo các huyện, thị xã, thành phố; Thủ trưởng các đơn vị liên quan và các học sinh có tên tại Điều 1 căn cứ Quyết định thi hành./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- GD, các PGD Sở;
- Lưu: VT, TCCBQLCL.

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**

Đinh Ngọc Sơn

SỞ GD&ĐT QUẢNG NINH
KỲ THI CHỌN HỌC SINH GIỎI CẤP TỈNH THCS
Khóa ngày 06/3/2024

TỔNG HỢP SỐ LƯỢNG HỌC SINH ĐẠT GIẢI

Ngày 25 tháng 3 năm 2024

TT	Đơn vị	MĐV	SLDT	Nhất	Nhì	Ba	K.Kh	T.Giải	Đạt tỷ lệ	Nhóm
TỔNG			1830	32	140	314	378	864	47,21%	
1	Phòng GD&ĐT Móng Cái	81	163	2	12	33	46	93	57,06%	A
2	Phòng GD&ĐT Hải Hà	82	113	5	9	22	28	64	56,64%	B
3	Phòng GD&ĐT Đầm Hà	83	80	2	4	5	13	24	30,00%	B
4	Phòng GD&ĐT Bình Liêu	84	84	2	7	23	20	52	61,90%	B
5	Phòng GD&ĐT Ba Chẽ	85	52		3	7	8	18	34,62%	B
6	Phòng GD&ĐT Tiên Yên	86	88	1	7	18	21	47	53,41%	B
7	Phòng GD&ĐT Cô Tô	87	14		1		1	2	14,29%	B
8	Phòng GD&ĐT Vân Đồn	88	54		3	8	8	19	35,19%	B
9	Phòng GD&ĐT Cẩm Phả	89	260	5	22	32	36	95	36,54%	A
10	Phòng GD&ĐT Hạ Long (A)	90	402	5	31	75	83	194	48,26%	A
11	Phòng GD&ĐT Hạ Long (B)	91	72	1	5	9	16	31	43,06%	B
12	Phòng GD&ĐT Quảng Yên	92	166	3	10	33	37	83	50,00%	A
13	Phòng GD&ĐT Uông Bí	93	107	2	14	19	27	62	57,94%	A
14	Phòng GD&ĐT Đông Triều	94	175	4	12	30	34	80	45,71%	A

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO QUẢNG NINH
KỲ THI CHỌN HỌC SINH GIỎI CẤP TỈNH THCS

Khóa ngày 06/3/2024

DANH SÁCH HỌC SINH ĐOẠT GIẢI

(Kèm theo Quyết định số 283/QĐ-SGDĐT ngày 25 / 3 / 2024 của Sở GDĐT)

Đơn vị: 81-Phòng GDĐT Móng Cái

TT	Số báo danh	Họ tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Dân tộc	Giới tính	Lớp	Môn thi	Điểm	Giải	Trường THCS
1	81001	PHẠM VĂN CHI	11/3/2009	Móng Cái, Quảng Ninh	Kinh	Nữ	9	Toán	11,00	K. Khích	THCS Ninh Dương
2	81004	NGUYỄN QUỐC KIÊN	12/3/2009	Móng Cái, Quảng Ninh	Kinh	Nam	9	Toán	12,50	Ba	THCS Hải Hòa
3	81005	NGUYỄN THUY LINH	12/02/2009	Móng Cái, Quảng Ninh	Kinh	Nữ	9	Toán	10,50	K. Khích	THCS Hải Tiến
4	81007	HOÀNG LONG	02/01/2009	Móng Cái, Quảng Ninh	Kinh	Nam	9	Toán	12,25	Ba	THCS Hải Hòa
5	81010	VŨ THÀNH NAM	28/9/2009	Móng Cái, Quảng Ninh	Kinh	Nam	9	Toán	13,75	Ba	THCS Ka Long
6	81011	DƯƠNG NGỌC HOÀNG PHONG	12/4/2009	Sóc Trăng	Kinh	Nam	9	Toán	13,25	Ba	THCS Hòa Lạc
7	81012	ĐẶNG THÀNH TRUNG	26/3/2009	Móng Cái, Quảng Ninh	Kinh	Nam	9	Toán	13,25	Ba	THCS Hòa Lạc
8	81014	ĐỖ LÊ HOÀNG	16/9/2009	Móng Cái, Quảng Ninh	Kinh	Nam	9	Vật lí	13,75	K. Khích	THCS Hòa Lạc
9	81023	KHÔNG HOÀNG LONG	03/3/2009	Cẩm Phả, Quảng Ninh	Kinh	Nam	9	Hóa học	14,25	K. Khích	THCS Trà Cổ
10	81025	PHẠM AN NAM	15/12/2009	Móng Cái, Quảng Ninh	Kinh	Nam	9	Hóa học	13,50	K. Khích	THCS Hòa Lạc
11	81027	LÂM QUỐC THẮNG	20/3/2009	Hồng Bàng, Hải Phòng	Kinh	Nam	9	Hóa học	17,00	Ba	THCS Hải Hòa
12	81031	ĐỖ PHƯƠNG ANH	04/4/2010	Móng Cái, Quảng Ninh	Kinh	Nữ	8	Sinh học	15,50	Ba	THCS Quảng Nghĩa
13	81033	PHẠM NGUYỄN GIA BẢO	09/02/2009	Móng Cái, Quảng Ninh	Kinh	Nam	9	Sinh học	14,25	K. Khích	THCS Vạn Ninh
14	81034	NGUYỄN ĐỨC CUỒNG	28/9/2009	Móng Cái, Quảng Ninh	Kinh	Nam	9	Sinh học	14,25	K. Khích	THCS Hải Tiến
15	81036	LÊ TÔN LÊ	08/3/2010	Móng Cái, Quảng Ninh	Kinh	Nam	8	Sinh học	14,00	K. Khích	THCS Hòa Lạc
16	81037	BÙI THỊ BÍCH LOAN	22/7/2009	Tân Thành, Bà Rịa-Vũng Tàu	Kinh	Nữ	9	Sinh học	13,50	K. Khích	THCS Ka Long
17	81038	TẠ THỊ NGỌC MAI	11/8/2009	Bệnh viện phụ sản Trung Ương	Kinh	Nữ	9	Sinh học	14,50	K. Khích	THCS Ka Long
18	81040	NGUYỄN TRỊNH BẢO NGÂN	15/11/2009	Móng Cái, Quảng Ninh	Kinh	Nữ	9	Sinh học	16,00	Nhì	THCS Hòa Lạc
19	81041	ĐẶNG MINH QUANG	27/6/2009	Móng Cái, Quảng Ninh	Kinh	Nam	9	Sinh học	13,25	K. Khích	THCS Ninh Dương
20	81042	NGUYỄN TẤN SANG	09/01/2010	Móng Cái, Quảng Ninh	Kinh	Nam	8	Sinh học	14,00	K. Khích	THCS Hòa Lạc
21	81043	BÙI ĐỨC THỊNH	23/01/2009	Móng Cái, Quảng Ninh	Kinh	Nam	9	Sinh học	17,00	Nhì	THCS Hòa Lạc
22	81045	VŨ ANH THU	04/12/2009	Móng Cái, Quảng Ninh	Kinh	Nữ	9	Sinh học	13,50	K. Khích	THCS Quảng Nghĩa
23	81046	HÀ TIẾN ĐẠT	29/12/2010	Móng Cái, Quảng Ninh	Kinh	Nam	8	Tin học	10,10	K. Khích	THCS Ninh Dương
24	81049	TRỊNH TUẤN KIẾT	18/3/2011	Móng Cái, Quảng Ninh	Kinh	Nam	7	Tin học	10,65	Ba	THCS Ka Long
25	81050	BÙI VŨ GIA PHÚ	18/9/2010	Móng Cái, Quảng Ninh	Kinh	Nam	8	Tin học	10,05	K. Khích	THCS Hòa Lạc

TT	Số báo danh	Họ tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Dân tộc	Giới tính	Lớp	Môn thi	Điểm	Giải	Trường THCS
26	81052	NGUYỄN THỊ NGỌC ANH	26/10/2009	Hải Hà, Quảng Ninh	Kinh	Nữ	9	Ngữ văn	15,00	Nhì	THCS Trà Cổ
27	81057	NGUYỄN THANH HÀ	03/02/2009	Móng Cái, Quảng Ninh	Kinh	Nữ	9	Ngữ văn	14,00	Ba	THCS Hòa Lạc
28	81058	NGUYỄN THỊ NGỌC HÀ	17/10/2009	Thái Bình	Kinh	Nữ	9	Ngữ văn	12,25	K. Khích	THCS Hòa Lạc
29	81059	HỒ THÚY HOA	31/12/2009	Móng Cái, Quảng Ninh	Kinh	Nữ	9	Ngữ văn	12,75	K. Khích	THCS Hòa Lạc
30	81060	VI ĐỖ HỒNG HOAN	23/5/2010	Móng Cái, Quảng Ninh	Kinh	Nữ	8	Ngữ văn	13,25	Ba	THCS Hòa Lạc
31	81061	HOÀNG MINH KHUÊ	15/9/2010	Móng Cái, Quảng Ninh	Kinh	Nữ	8	Ngữ văn	12,75	K. Khích	THCS Hòa Lạc
32	81067	TRẦN HỒNG BẢO NGỌC	19/9/2009	Hải Hà, Quảng Ninh	Kinh	Nữ	9	Ngữ văn	12,50	K. Khích	THCS Hải Yên
33	81073	ĐÀO BÍCH HUYỀN	04/12/2009	Móng Cái, Quảng Ninh	Kinh	Nữ	9	Lịch sử	15,25	Ba	THCS Hải Hòa
34	81074	NGUYỄN HOÀNG LÂN	18/11/2009	Móng Cái, Quảng Ninh	Kinh	Nam	9	Lịch sử	13,50	K. Khích	THCS Hòa Lạc
35	81075	PHẠM PHƯƠNG THUY LINH	21/12/2009	Móng Cái, Quảng Ninh	Kinh	Nữ	9	Lịch sử	14,75	Ba	THCS Hải Hòa
36	81076	NGUYỄN THỊ KHÁNH LY	20/11/2009	Móng Cái, Quảng Ninh	Kinh	Nữ	9	Lịch sử	13,75	K. Khích	THCS Hải Tiến
37	81078	PHẠM THỦY NHUNG	21/3/2009	Thanh Miện, Hải Dương	Kinh	Nữ	9	Lịch sử	12,50	K. Khích	THCS Hải Tiến
38	81080	NGUYỄN TUỆ PHƯƠNG	11/12/2009	Móng Cái, Quảng Ninh	Kinh	Nữ	9	Lịch sử	13,00	K. Khích	THCS Ka Long
39	81082	NGÔ MAI TRANG	21/6/2010	Móng Cái, Quảng Ninh	Kinh	Nữ	8	Lịch sử	14,00	Ba	THCS Hải Xuân
40	81083	NGUYỄN THỊ QUỲNH TRANG	05/10/2009	Móng Cái, Quảng Ninh	Kinh	Nữ	9	Lịch sử	15,00	Ba	THCS Ka Long
41	81086	NGÔ THANH VÂN	25/01/2010	Móng Cái, Quảng Ninh	Kinh	Nữ	8	Lịch sử	15,25	Ba	THCS Hải Xuân
42	81087	TRẦN HỒNG VÂN	14/01/2009	Móng Cái, Quảng Ninh	Kinh	Nữ	9	Lịch sử	13,75	K. Khích	THCS Ka Long
43	81088	PHẠM THỊ HẢI YẾN	09/3/2009	Uông Bí, Quảng Ninh	Kinh	Nữ	9	Lịch sử	14,00	Ba	THCS Ka Long
44	81090	NGÔ QUỲNH CHI	04/12/2009	Móng Cái, Quảng Ninh	Kinh	Nữ	9	Địa lí	13,00	Ba	THCS Hải Tiến
45	81091	VŨ MAI DUYÊN	22/5/2009	Móng Cái, Quảng Ninh	Kinh	Nữ	9	Địa lí	12,50	K. Khích	THCS Hải Yên
46	81092	NGUYỄN LÊ MINH HẰNG	16/8/2009	Móng Cái, Quảng Ninh	Kinh	Nữ	9	Địa lí	12,00	K. Khích	THCS Ninh Dương
47	81093	NGUYỄN THỊ THU HẰNG	08/7/2009	Móng Cái, Quảng Ninh	Kinh	Nữ	9	Địa lí	12,50	K. Khích	THCS Hải Hòa
48	81094	BÙI THỊ HOA	23/11/2009	Móng Cái, Quảng Ninh	Kinh	Nữ	9	Địa lí	12,50	K. Khích	THCS Quảng Nghĩa
49	81095	LÊ THỊ THU HUYỀN	05/3/2009	Gia Lộc, Hải Dương	Kinh	Nữ	9	Địa lí	11,75	K. Khích	THCS Vĩnh Thục
50	81096	HOÀNG THỊ THU HƯỜNG	08/6/2009	Móng Cái, Quảng Ninh	Kinh	Nữ	9	Địa lí	14,50	Ba	THCS Ninh Dương
51	81097	PHẠM THỊ MINH HƯỜNG	27/10/2009	Móng Cái, Quảng Ninh	Kinh	Nữ	9	Địa lí	12,00	K. Khích	THCS Ninh Dương
52	81098	VŨ THỊ HƯỜNG	10/11/2009	Móng Cái, Quảng Ninh	Kinh	Nữ	9	Địa lí	12,75	Ba	THCS Hải Hòa
53	81106	SẦN THỊ THU PHƯƠNG	19/10/2009	Móng Cái, Quảng Ninh	Sán chỉ	Nữ	9	Địa lí	11,50	K. Khích	TH&THCS Hải Sơn
54	81109	SẦN THỊ THU	23/9/2009	Móng Cái, Quảng Ninh	Sán chỉ	Nữ	9	Địa lí	11,50	K. Khích	TH&THCS Hải Sơn
55	81110	LÊ ANH THU	31/3/2010	Móng Cái, Quảng Ninh	Kinh	Nữ	8	Địa lí	13,25	Ba	THCS Hải Hòa

TT	Số báo danh	Họ tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Dân tộc	Giới tính	Lớp	Môn thi	Điểm	Giải	Trường THCS
56	81112	PHẠM HÀ HOÀNG YẾN	13/12/2009	Móng Cái, Quảng Ninh	Kinh	Nữ	9	Địa lí	11,50	K. Khích	THCS Quảng Nghĩa
57	81113	VŨ MAI CHI	07/02/2010	Quảng Ninh	Kinh	Nữ	8	Tiếng Anh	11,90	K. Khích	THCS Hòa Lạc
58	81115	NGUYỄN TRUNG DŨNG	01/12/2009	Móng Cái, Quảng Ninh	Kinh	Nam	9	Tiếng Anh	11,90	K. Khích	THCS Hòa Lạc
59	81116	PHẠM TRẦN ANH KHOA	15/10/2009	Quảng Ninh	Kinh	Nam	9	Tiếng Anh	13,40	Ba	THCS Hòa Lạc
60	81117	NGUYỄN HOÀNG NGÂN	06/11/2009	Móng Cái, Quảng Ninh	Kinh	Nữ	9	Tiếng Anh	12,20	K. Khích	THCS Hòa Lạc
61	81119	BÙI TIẾN THÀNH	28/6/2009	Móng Cái, Quảng Ninh	Kinh	Nam	9	Tiếng Anh	15,20	Nhì	THCS Hòa Lạc
62	81122	PHẠM ĐỨC TÙNG	16/9/2009	Hải Hà, Quảng Ninh	Kinh	Nam	9	Tiếng Anh	12,00	K. Khích	THCS Ka Long
63	81124	PHẠM TUẤN ANH	24/3/2007	Hải Hà, Quảng Ninh	Kinh	Nam	9	Tiếng Trung Quốc	11,70	K. Khích	THCS Vạn Ninh
64	81125	NGUYỄN MAI CHI	19/5/2010	Móng Cái, Quảng Ninh	Kinh	Nữ	8	Tiếng Trung Quốc	15,20	Nhì	THCS Ka Long
65	81126	BÙI ÁNH DƯƠNG	27/10/2009	Móng Cái, Quảng Ninh	Kinh	Nữ	9	Tiếng Trung Quốc	13,90	Ba	THCS Ninh Dương
66	81127	VŨ THÀNH ĐẠI	07/9/2009	Móng Cái, Quảng Ninh	Kinh	Nam	9	Tiếng Trung Quốc	12,30	K. Khích	THCS Ninh Dương
67	81128	VŨ THÀNH ĐẠT	07/9/2009	Móng Cái, Quảng Ninh	Kinh	Nam	9	Tiếng Trung Quốc	12,80	Ba	THCS Ninh Dương
68	81130	BÙI TUYẾT HẠ	11/9/2009	Móng Cái, Quảng Ninh	Kinh	Nữ	9	Tiếng Trung Quốc	10,60	K. Khích	THCS Ka Long
69	81131	NGUYỄN THỊ THU HẰNG	06/3/2009	Bắc Ninh	Kinh	Nữ	9	Tiếng Trung Quốc	16,40	Nhì	THCS Ninh Dương
70	81132	NGUYỄN PHÚ HƯNG	13/3/2009	Hạ Long, Quảng Ninh	Kinh	Nam	9	Tiếng Trung Quốc	12,00	K. Khích	THCS Hòa Lạc
71	81133	NGUYỄN THỊ HƯƠNG	30/12/2007	Móng Cái, Quảng Ninh	Kinh	Nữ	9	Tiếng Trung Quốc	13,50	Ba	THCS Ka Long
72	81134	NGUYỄN THỊ HƯỜNG	19/02/2009	Móng Cái, Quảng Ninh	Kinh	Nữ	9	Tiếng Trung Quốc	16,20	Nhì	THCS Hải Yên
73	81135	DƯƠNG ĐẠI LẬP	22/3/2007	Nghĩa Hưng, Nam Định	Kinh	Nam	9	Tiếng Trung Quốc	16,00	Nhì	THCS Hòa Lạc
74	81136	LÊ PHƯƠNG LINH	16/3/2009	Móng Cái, Quảng Ninh	Kinh	Nữ	9	Tiếng Trung Quốc	12,70	Ba	THCS Hải Yên
75	81137	NGUYỄN THỊ TUYẾT MAI	04/12/2009	Móng Cái, Quảng Ninh	Kinh	Nữ	9	Tiếng Trung Quốc	16,80	Nhất	THCS Ninh Dương
76	81138	TRẦN THỊ YẾN NHI	20/8/2009	Móng Cái, Quảng Ninh	Kinh	Nữ	9	Tiếng Trung Quốc	14,00	Ba	THCS Hải Yên
77	81139	LÊ MINH PHỤNG	17/7/2009	Hải Hà, Quảng Ninh	Kinh	Nữ	9	Tiếng Trung Quốc	12,60	Ba	THCS Hòa Lạc
78	81140	ĐẶNG HÙNG SƠN	17/3/2010	Quảng Ninh	Kinh	Nam	8	Tiếng Trung Quốc	10,60	K. Khích	THCS Hòa Lạc
79	81141	NGUYỄN GIA TÀI	30/3/2009	Móng Cái, Quảng Ninh	Kinh	Nam	9	Tiếng Trung Quốc	11,00	K. Khích	THCS Ka Long
80	81142	LÊ THỊ TRANG	02/3/2009	Móng Cái, Quảng Ninh	Kinh	Nữ	9	Tiếng Trung Quốc	12,60	Ba	THCS Ka Long
81	81143	ĐỖ THẾ VINH	23/9/2010	Móng Cái, Quảng Ninh	Kinh	Nam	8	Tiếng Trung Quốc	11,50	K. Khích	THCS Ninh Dương
82	81146	HÀ MINH ANH	09/11/2009	Bệnh viện phụ sản Thái Bình	Kinh	Nữ	9	GDCD	14,00	Nhì	THCS Hải Hòa
83	81148	HOÀNG MAI HUYỀN	10/8/2009	Móng Cái, Quảng Ninh	Kinh	Nữ	9	GDCD	13,25	Ba	THCS Hải Tiến
84	81149	NGUYỄN NGỌC KHÁNH	23/12/2009	An Dương, Hải Phòng	Kinh	Nữ	9	GDCD	12,75	Ba	THCS Hải Hòa
85	81150	ĐỒNG THẢO NGỌC	25/9/2009	Móng Cái, Quảng Ninh	Kinh	Nữ	9	GDCD	15,00	Nhì	THCS Hải Tiến

TT	Số báo danh	Họ tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Dân tộc	Giới tính	Lớp	Môn thi	Điểm	Giải	Trường THCS
86	81154	LƯƠNG MINH PHƯƠNG	18/11/2009	Móng Cái, Quảng Ninh	Kinh	Nữ	9	GDCD	14,50	Nhì	THCS Hải Đông
87	81156	LÊ THỊ BÍCH THẢO	19/02/2010	Móng Cái, Quảng Ninh	Kinh	Nữ	8	GDCD	12,50	Ba	THCS Hải Hòa
88	81158	HOÀNG THỊ THỦY	26/6/2009	Móng Cái, Quảng Ninh	Kinh	Nữ	9	GDCD	14,75	Nhì	THCS Hải Đông
89	81159	NGUYỄN NGỌC THÚY	02/6/2009	Móng Cái, Quảng Ninh	Kinh	Nữ	9	GDCD	15,25	Nhất	THCS Hải Tiến
90	81160	BÙI ANH THU	15/10/2009	Móng Cái, Quảng Ninh	Kinh	Nữ	9	GDCD	13,00	Ba	THCS Vạn Ninh
91	81161	TRẦN THỊ THU TRANG	01/8/2009	Móng Cái, Quảng Ninh	Kinh	Nữ	9	GDCD	13,00	Ba	THCS Hải Đông
92	81162	BÙI ÁNH TUYẾT	31/8/2009	Móng Cái, Quảng Ninh	Kinh	Nữ	9	GDCD	11,50	K. Khích	THCS Vạn Ninh
93	81164	MẠC HẢI YẾN	24/8/2009	Móng Cái, Quảng Ninh	Kinh	Nữ	9	GDCD	11,50	K. Khích	THCS Hải Tiến

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO QUẢNG NINH
KỲ THI CHỌN HỌC SINH GIỎI CẤP TỈNH THCS

Khóa ngày 06/3/2024

DANH SÁCH HỌC SINH ĐOẠT GIẢI

(Kèm theo Quyết định số 283/QĐ-SGDĐT ngày 25 / 3 / 2024 của Sở GDĐT)

Đơn vị: 82-Phòng GDĐT Hải Hà

TT	Số báo danh	Họ tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Dân tộc	Giới tính	Lớp	Môn thi	Điểm	Giải	Trường THCS
1	82001	TÔ TIẾN BÁCH	30/11/2009	Hải Hà, Quảng Ninh	Kinh	Nam	9	Toán	13,75	Ba	THCS thị trấn Quảng Hà
2	82004	PHẠM TRUNG HIẾU	16/02/2009	Hải Hà, Quảng Ninh	Kinh	Nam	9	Toán	12,25	K. Khích	THCS thị trấn Quảng Hà
3	82005	LÊ HOÀNG QUÂN	10/11/2009	Hải Hà, Quảng Ninh	Kinh	Nam	9	Toán	16,75	Nhì	THCS thị trấn Quảng Hà
4	82006	TRIỆU NGỌC THƯ	10/11/2009	Hải Hà, Quảng Ninh	Kinh	Nữ	9	Toán	13,25	K. Khích	THCS thị trấn Quảng Hà
5	82007	ĐỖ ANH THƯƠNG	26/9/2009	Kiến Xương, Thái Bình	Kinh	Nữ	9	Toán	17,50	Nhất	THCS thị trấn Quảng Hà
6	82008	NGÔ MINH CHÍNH	27/10/2009	Hải Hà, Quảng Ninh	Kinh	Nam	9	Vật lí	10,00	K. Khích	THCS thị trấn Quảng Hà
7	82009	NGUYỄN CHÍ ĐẠT	14/7/2010	Thanh Chương, Nghệ An	Kinh	Nam	8	Vật lí	11,25	Ba	THCS thị trấn Quảng Hà
8	82011	ĐINH GIA HUY	07/01/2009	Hải Hà, Quảng Ninh	Kinh	Nam	9	Vật lí	10,00	K. Khích	THCS thị trấn Quảng Hà
9	82012	NGUYỄN ĐĂNG THẮNG	09/01/2009	Hải Hà, Quảng Ninh	Kinh	Nam	9	Vật lí	18,25	Nhất	THCS&THPT Đường Hoa Cương
10	82015	PHAN MAI PHƯƠNG	20/10/2009	Hải Hà, Quảng Ninh	Kinh	Nữ	9	Hóa học	14,50	K. Khích	THCS thị trấn Quảng Hà
11	82018	NGUYỄN THỊ HUYỀN DIỆU	16/6/2009	Hải Hà, Quảng Ninh	Kinh	Nữ	9	Sinh học	14,75	Ba	THCS thị trấn Quảng Hà
12	82020	NGUYỄN MINH HIẾU	22/02/2009	Hải Hà, Quảng Ninh	Kinh	Nam	9	Sinh học	13,00	K. Khích	THCS Quảng Minh
13	82022	TRƯỜNG THỊ MẾN	10/10/2009	Hải Hà, Quảng Ninh	Dao	Nữ	9	Sinh học	17,00	Nhì	THCS Quảng Minh
14	82023	BẾ THỊ TRÀ MY	18/02/2009	Hải Hà, Quảng Ninh	Tày	Nữ	9	Sinh học	16,25	Nhì	THCS thị trấn Quảng Hà
15	82025	MẠC NGUYỄN VŨ	24/3/2009	Hải Hà, Quảng Ninh	Sán Dìu	Nam	9	Sinh học	17,50	Nhất	THCS Quảng Minh
16	82031	NGUYỄN TRẦN BẢO CHÂU	01/02/2010	Uông Bí, Quảng Ninh	Tày	Nữ	8	Ngữ văn	15,50	Nhất	THCS thị trấn Quảng Hà
17	82032	LẠI THANH ĐAN	01/7/2010	Uông Bí, Quảng Ninh	Kinh	Nữ	8	Ngữ văn	12,25	K. Khích	THCS thị trấn Quảng Hà
18	82037	VŨ THU HƯƠNG	11/5/2009	BV đa khoa tỉnh Quảng Ninh	Kinh	Nữ	9	Ngữ văn	13,25	Ba	THCS Quảng Minh
19	82039	HOÀNG HÀ MY	03/4/2009	Hải Hà, Quảng Ninh	Kinh	Nữ	9	Ngữ văn	13,00	Ba	THCS thị trấn Quảng Hà
20	82040	ĐINH NHƯ QUỲNH	12/4/2009	Hải Hà, Quảng Ninh	Kinh	Nữ	9	Ngữ văn	12,75	Ba	THCS thị trấn Quảng Hà
21	82041	TRẦN THU QUỲNH	06/8/2009	Hải Hà, Quảng Ninh	Kinh	Nữ	9	Ngữ văn	12,25	K. Khích	THCS thị trấn Quảng Hà
22	82042	TÔ PHƯƠNG THẢO	15/11/2010	Vân Đồn, Quảng Ninh	Sán Dìu	Nữ	8	Ngữ văn	14,25	Nhì	THCS thị trấn Quảng Hà
23	82044	NGUYỄN MINH THƯ	11/3/2009	Hải Hà, Quảng Ninh	Kinh	Nữ	9	Ngữ văn	12,00	K. Khích	THCS Quảng Minh
24	82045	NGUYỄN THÙY TRANG	23/12/2009	Hải Hà, Quảng Ninh	Kinh	Nữ	9	Ngữ văn	13,00	Ba	THCS thị trấn Quảng Hà
25	82046	NGUYỄN THÙY TRANG	05/7/2010	Hải Hà, Quảng Ninh	Kinh	Nữ	8	Ngữ văn	13,50	Ba	THCS thị trấn Quảng Hà

TT	Số báo danh	Họ tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Dân tộc	Giới tính	Lớp	Môn thi	Điểm	Giải	Trường THCS
26	82047	TÙ THÙY TRANG	26/12/2009	Hải Hà, Quảng Ninh	Sán Dìu	Nữ	9	Ngữ văn	14,00	Nhì	THCS thị trấn Quảng Hà
27	82049	CAO YẾN VY	28/7/2010	Móng Cái, Quảng Ninh	Kinh	Nữ	8	Ngữ văn	11,75	K. Khích	THCS Quảng Minh
28	82050	LÝ AN AN	28/10/2009	Hải Hà, Quảng Ninh	Dao	Nữ	9	Lịch sử	15,50	Ba	THCS thị trấn Quảng Hà
29	82051	BÙI THỊ KIM CHI	01/01/2009	Hải Hà, Quảng Ninh	Kinh	Nữ	9	Lịch sử	15,50	Ba	THCS Quảng Minh
30	82053	NINH KHÁNH GIANG	08/10/2010	Hải Hà, Quảng Ninh	Kinh	Nữ	8	Lịch sử	13,50	K. Khích	THCS thị trấn Quảng Hà
31	82056	HÀ THỊ THANH HIỀN	13/10/2009	Hải Hà, Quảng Ninh	Kinh	Nữ	9	Lịch sử	15,25	Ba	TH&THCS Quảng Thịnh
32	82059	TÀNG THU HƯỜNG	07/12/2010	Hải Hà, Quảng Ninh	Dao	Nữ	8	Lịch sử	17,25	Nhất	PTDT nội trú THCS Hải Hà
33	82063	NGUYỄN HỒNG THANH	16/02/2009	Hải Hà, Quảng Ninh	Kinh	Nữ	9	Lịch sử	16,00	Nhì	THCS thị trấn Quảng Hà
34	82065	CHÍU THỊ THÙY	20/7/2009	Hải Hà, Quảng Ninh	Dao	Nữ	9	Lịch sử	15,00	Ba	PTDT nội trú THCS Hải Hà
35	82066	PHẠM THU THÙY	25/9/2009	Hải Hà, Quảng Ninh	Kinh	Nữ	9	Lịch sử	14,00	K. Khích	TH&THCS Quảng Thịnh
36	82067	ĐÀO LƯU THÙY TRANG	17/9/2010	Hải Hà, Quảng Ninh	Kinh	Nữ	8	Lịch sử	13,50	K. Khích	THCS Quảng Chính
37	82069	ĐÀM HẢI YẾN	27/7/2009	Hải Hà, Quảng Ninh	Sán Chi	Nữ	9	Lịch sử	13,00	K. Khích	THCS&THPT Đường Hoa Cương
38	82070	ĐỖ NGỌC CHI	05/7/2010	Hải Hà, Quảng Ninh	Kinh	Nữ	8	Địa lí	11,25	K. Khích	THCS thị trấn Quảng Hà II
39	82071	TRƯỜNG ANH ĐẠO	03/6/2009	Hải Hà, Quảng Ninh	Dao	Nam	9	Địa lí	13,00	Ba	PTDT nội trú THCS Hải Hà
40	82072	PHẠM TIẾN HOÀNG	01/4/2009	Trạm Y tế xã Minh Tiến	Kinh	Nam	9	Địa lí	12,00	K. Khích	THCS Quảng Thành
41	82074	TRẦN NGỌC LAN	07/10/2009	Hải Hà, Quảng Ninh	Kinh	Nữ	9	Địa lí	14,75	Nhì	THCS Quảng Minh
42	82075	LÊ NGỌC LINH	16/10/2010	Hải Hà, Quảng Ninh	Kinh	Nữ	8	Địa lí	14,00	Nhì	THCS Quảng Minh
43	82077	NGUYỄN NHẤT LONG	25/7/2009	Hải Hà, Quảng Ninh	Kinh	Nam	9	Địa lí	13,00	Ba	THCS thị trấn Quảng Hà
44	82078	HOÀNG NGỌC MAI	14/01/2009	Hải Hà, Quảng Ninh	Kinh	Nữ	9	Địa lí	11,25	K. Khích	THCS Quảng Phong
45	82080	NGUYỄN PHẠM GIA NHƯ	28/5/2009	Trạm Y tế xã Nhật Tân	Kinh	Nữ	9	Địa lí	11,00	K. Khích	THCS thị trấn Quảng Hà
46	82081	NGUYỄN QUỐC PHƯƠNG	24/4/2010	Hải Hà, Quảng Ninh	Kinh	Nam	8	Địa lí	11,75	K. Khích	THCS Quảng Phong
47	82082	CHỈU THỊ THƠM	02/10/2009	Hải Hà, Quảng Ninh	Dao	Nữ	9	Địa lí	12,50	Ba	PTDT nội trú THCS Hải Hà
48	82083	LÊ VĂN TRỤ	21/7/2009	Hải Hà, Quảng Ninh	Kinh	Nam	9	Địa lí	13,00	Ba	THCS thị trấn Quảng Hà
49	82085	BÙI THÀNH AN	01/11/2010	Hải Hà, Quảng Ninh	Kinh	Nam	8	Tiếng Anh	10,10	K. Khích	THCS thị trấn Quảng Hà
50	82087	LÊ THÙY CHI	21/3/2009	Hải Hà, Quảng Ninh	Kinh	Nữ	9	Tiếng Anh	14,70	Nhì	THCS thị trấn Quảng Hà
51	82090	ĐẶNG QUỐC HƯỜNG	25/02/2009	Hải Hà, Quảng Ninh	Kinh	Nam	9	Tiếng Anh	10,20	K. Khích	THCS thị trấn Quảng Hà
52	82091	TRẦN LÊ KHÁNH LY	24/10/2009	Hải Hà, Quảng Ninh	Kinh	Nữ	9	Tiếng Anh	12,30	Ba	THCS thị trấn Quảng Hà
53	82092	NGÔ NHẬT MINH	23/01/2009	Hải Hà, Quảng Ninh	Kinh	Nữ	9	Tiếng Anh	13,40	Ba	THCS thị trấn Quảng Hà
54	82093	ĐẶNG THANH NGÂN	16/7/2009	Hải Hà, Quảng Ninh	Kinh	Nam	9	Tiếng Anh	10,00	K. Khích	THCS thị trấn Quảng Hà
55	82094	LƯƠNG XUÂN NGUYỄN	17/9/2009	Hải Hà, Quảng Ninh	Kinh	Nam	9	Tiếng Anh	10,60	K. Khích	THCS thị trấn Quảng Hà

TT	Số báo danh	Họ tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Dân tộc	Giới tính	Lớp	Môn thi	Điểm	Giải	Trường THCS
56	82095	NGUYỄN CHIẾN THẮNG	15/8/2009	Hải Hà, Quảng Ninh	Kinh	Nam	9	Tiếng Anh	12,40	Ba	THCS thị trấn Quảng Hà
57	82096	BÙI KIM THU	02/01/2009	Hải Hà, Quảng Ninh	Kinh	Nữ	9	Tiếng Anh	9,20	K. Khích	THCS thị trấn Quảng Hà
58	82097	VI THÙY TRANG	30/11/2009	Hải Hà, Quảng Ninh	Tày	Nữ	9	Tiếng Anh	12,10	Ba	THCS thị trấn Quảng Hà
59	82098	HÀU THỊ THU HẰNG	08/5/2009	Hải Hà, Quảng Ninh	Dao	Nữ	9	GDCD	10,50	K. Khích	PTDTBT THCS Quảng Đức
60	82099	CHU KHÁNH HUYỀN	23/12/2009	Hải Hà, Quảng Ninh	Kinh	Nữ	9	GDCD	10,00	K. Khích	THCS thị trấn Quảng Hà
61	82103	TẶNG THỊ NGUYỆT	15/5/2010	Hải Hà, Quảng Ninh	Dao	Nữ	8	GDCD	11,50	Ba	PTDT nội trú THCS Hải Hà
62	82105	PHẠM HỒNG QUÂN	16/4/2009	Hải Hà, Quảng Ninh	Kinh	Nam	9	GDCD	10,00	K. Khích	THCS thị trấn Quảng Hà
63	82106	HÀ THỊ LỆ QUYÊN	18/11/2010	Hải Hà, Quảng Ninh	Tày	Nữ	8	GDCD	11,75	Ba	PTDT nội trú THCS Hải Hà
64	82107	TẠ NHƯ QUỲNH	01/12/2009	Hải Hà, Quảng Ninh	Kinh	Nữ	9	GDCD	11,00	K. Khích	THCS thị trấn Quảng Hà

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO QUẢNG NINH
KỲ THI CHỌN HỌC SINH GIỎI CẤP TỈNH THCS

Khóa ngày 06/3/2024

DANH SÁCH HỌC SINH ĐOẠT GIẢI

(Kèm theo Quyết định số 283/QĐ-SGDĐT ngày 25 / 3 / 2024 của Sở GDĐT)

Đơn vị: 83-Phòng GDĐT Đàm Hà

TT	Số báo danh	Họ tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Dân tộc	Giới tính	Lớp	Môn thi	Điểm	Giải	Trường THCS
1	83011	THÂN THỊ NGỌC BÍCH	18/5/2009	Đàm Hà, Quảng Ninh	Kinh	Nữ	9	Vật lí	14,50	Nhì	THCS thị trấn Đàm Hà
2	83013	DỊP VĂN MINH	02/9/2009	Đàm Hà, Quảng Ninh	Sán Dìu	Nam	9	Vật lí	11,00	K. Khích	THCS Tân Bình
3	83016	PHẠM HOÀNG CHÂU	12/5/2009	Đàm Hà, Quảng Ninh	Kinh	Nữ	9	Hóa học	19,50	Nhất	THCS thị trấn Đàm Hà
4	83017	ĐINH VIỆT DŨNG	20/02/2009	Đàm Hà, Quảng Ninh	Kinh	Nam	9	Hóa học	15,00	K. Khích	THCS thị trấn Đàm Hà
5	83018	NGÔ THANH HẰNG	19/10/2009	Đàm Hà, Quảng Ninh	Kinh	Nữ	9	Hóa học	16,25	Ba	THCS thị trấn Đàm Hà
6	83019	NGUYỄN NGỌC HUY	20/9/2010	Đàm Hà, Quảng Ninh	Kinh	Nam	8	Hóa học	12,75	K. Khích	THCS thị trấn Đàm Hà
7	83023	ĐINH VŨ BẢO MINH	13/7/2009	Đàm Hà, Quảng Ninh	Kinh	Nam	9	Sinh học	13,00	K. Khích	THCS thị trấn Đàm Hà
8	83025	ĐẶNG MAI ANH	16/3/2009	Đàm Hà, Quảng Ninh	Kinh	Nữ	9	Ngữ văn	12,00	K. Khích	THCS xã Đàm Hà
9	83026	HÀ HOÀNG BẢO ANH	22/8/2009	Đàm Hà, Quảng Ninh	Kinh	Nữ	9	Ngữ văn	15,50	Nhất	THCS thị trấn Đàm Hà
10	83028	LƯƠNG THẢO LAM	24/7/2009	Đàm Hà, Quảng Ninh	Kinh	Nữ	9	Ngữ văn	14,00	Nhì	THCS thị trấn Đàm Hà
11	83031	HOÀNG THỊ PHƯƠNG ANH	07/7/2010	Đàm Hà, Quảng Ninh	Tày	Nữ	8	Lịch sử	14,00	K. Khích	THCS Tân Lập
12	83032	NGUYỄN NGỌC ANH	02/9/2009	Móng Cái, Quảng Ninh	Kinh	Nữ	9	Lịch sử	16,50	Nhì	THCS xã Đàm Hà
13	83038	HOÀNG NGỌC LY	01/10/2010	Đàm Hà, Quảng Ninh	Dao	Nữ	8	Lịch sử	13,75	K. Khích	THCS Quảng An
14	83039	NGUYỄN THỊ HỒNG NHUNG	11/5/2009	Đàm Hà, Quảng Ninh	Kinh	Nữ	9	Lịch sử	15,50	Ba	THCS Quảng An
15	83040	TRỊNH THỊ NHƯ QUỲNH	09/02/2010	Đàm Hà, Quảng Ninh	Kinh	Nữ	8	Lịch sử	14,50	Ba	THCS Tân Bình
16	83042	PHẠM THU THẢO	14/11/2009	Đàm Hà, Quảng Ninh	Kinh	Nữ	9	Lịch sử	15,00	Ba	THCS thị trấn Đàm Hà
17	83044	HOÀNG THỊ TRÂM	28/8/2009	Đàm Hà, Quảng Ninh	Kinh	Nữ	9	Lịch sử	13,50	K. Khích	THCS xã Đàm Hà
18	83045	LÝ THANH TUYỀN	21/11/2009	Đàm Hà, Quảng Ninh	Dao	Nữ	9	Lịch sử	13,50	K. Khích	THCS Quảng An
19	83046	LÊ THỊ ÁNH TUYẾT	10/12/2009	Đàm Hà, Quảng Ninh	Kinh	Nữ	9	Lịch sử	16,75	Nhì	THCS Tân Bình
20	83047	NGUYỄN NGỌC ÁNH	14/10/2009	Đàm Hà, Quảng Ninh	Kinh	Nữ	9	Địa lí	11,75	K. Khích	TH-THCS Đại Bình
21	83048	TY THỊ HẢI	10/4/2009	Đàm Hà, Quảng Ninh	Kinh	Nữ	9	Địa lí	12,50	Ba	THCS Quảng Tân
22	83051	ĐẶNG THIÊN NGỌC	08/6/2010	Đàm Hà, Quảng Ninh	Kinh	Nữ	8	Địa lí	11,50	K. Khích	TH-THCS Dục Yên

TT	Số báo danh	Họ tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Dân tộc	Giới tính	Lớp	Môn thi	Điểm	Giải	Trường THCS
23	83058	ĐINH SƠN LỘC	18/7/2010	Đầm Hà, Quảng Ninh	Kinh	Nam	8	Tiếng Anh	11,30	K. Khích	THCS thị trấn Đầm Hà
24	83074	TÔ THANH THỦY	03/12/2009	Đầm Hà, Quảng Ninh	Kinh	Nữ	9	GD&CD	9,75	K. Khích	THCS thị trấn Đầm Hà

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO QUẢNG NINH
KỲ THI CHỌN HỌC SINH GIỎI CẤP TỈNH THCS

Khóa ngày 06/3/2024

DANH SÁCH HỌC SINH ĐOẠT GIẢI

(Kèm theo Quyết định số 283/QĐ-SGDĐT ngày 25 / 3 / 2024 của Sở GDĐT)

Đơn vị: 84-Phòng GDĐT Bình Liêu

TT	Số báo danh	Họ tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Dân tộc	Giới tính	Lớp	Môn thi	Điểm	Giải	Trường THCS
1	84002	VI TRÍ ĐẠT	04/7/2009	Bình Liêu, Quảng Ninh	Tày	Nam	9	Toán	17,00	Nhì	THCS Thị trấn Bình Liêu
2	84004	NGUYỄN VIỆT NHẬT HOÀNG	26/12/2009	Bình Liêu, Quảng Ninh	Kinh	Nam	9	Toán	14,50	Ba	THCS Thị trấn Bình Liêu
3	84005	HOÀNG MINH HỌC	07/5/2010	Bình Liêu, Quảng Ninh	Tày	Nam	8	Toán	13,25	K. Khích	THCS Thị trấn Bình Liêu
4	84006	TÔ THANH HUYỀN	20/9/2009	Bình Liêu, Quảng Ninh	Tày	Nữ	9	Toán	13,00	K. Khích	PTDT Nội trú Bình Liêu
5	84007	NÔNG MAI LAN	21/6/2009	Hòa An, Cao Bằng	Tày	Nữ	9	Toán	12,75	K. Khích	THCS Thị trấn Bình Liêu
6	84008	PHẠM TUẤN MINH	24/5/2010	Bình Liêu, Quảng Ninh	Kinh	Nam	8	Toán	17,00	Nhì	THCS Thị trấn Bình Liêu
7	84009	ĐINH NGỌC NHI	12/11/2009	Bình Liêu, Quảng Ninh	Tày	Nữ	9	Toán	14,00	Ba	THCS Thị trấn Bình Liêu
8	84010	VI MẠNH QUÂN	23/02/2009	Tiên Yên, Quảng Ninh	Tày	Nam	9	Toán	16,25	Ba	THCS Thị trấn Bình Liêu
9	84011	CHIU CẨM TÌNH	07/3/2008	Bình Liêu, Quảng Ninh	Dao	Nam	9	Toán	15,75	Ba	PTDT Nội trú Bình Liêu
10	84012	LÀI THIÊM TRUÔNG	01/02/2009	Bình Liêu, Quảng Ninh	Tày	Nam	9	Toán	12,50	K. Khích	THCS Thị trấn Bình Liêu
11	84014	HOÀNG THẾ TÂM	19/7/2010	Bình Liêu, Quảng Ninh	Tày	Nam	8	Vật lí	11,50	Ba	THCS Thị trấn Bình Liêu
12	84015	LỤC PHƯƠNG TRUNG	04/01/2010	Bình Liêu, Quảng Ninh	Sán Chay	Nam	8	Vật lí	16,00	Nhì	PTDT Nội trú Bình Liêu
13	84017	NGÔ HÀ ANH	20/8/2009	Bình Liêu, Quảng Ninh	Tày	Nữ	9	Hóa học	19,00	Nhì	THCS Thị trấn Bình Liêu
14	84018	TRƯƠNG MẠNH ĐỨC	15/12/2009	Vân Đồn, Quảng Ninh	Sán Dìu	Nam	9	Hóa học	17,75	Ba	THCS Thị trấn Bình Liêu
15	84019	LÔ QUỲNH NHƯ	23/7/2009	Bình Liêu, Quảng Ninh	Tày	Nữ	9	Hóa học	19,50	Nhất	THCS Thị trấn Bình Liêu
16	84020	TRẦN NGUYỄN DANH THÁI	29/8/2009	Bình Liêu, Quảng Ninh	Kinh	Nam	9	Hóa học	18,75	Nhì	THCS Thị trấn Bình Liêu
17	84021	BẾ CHÍ ĐẠI	02/02/2009	Bình Liêu, Quảng Ninh	Tày	Nam	9	Tin học	12,55	Ba	PTDT Nội trú Bình Liêu
18	84023	HOÀNG THANH MẠNH	02/01/2009	Bình Liêu, Quảng Ninh	Tày	Nam	9	Tin học	12,38	Ba	THCS Thị trấn Bình Liêu
19	84024	HOÀNG HƯƠNG TRÀ	24/02/2009	Bình Liêu, Quảng Ninh	Tày	Nữ	9	Tin học	9,00	K. Khích	PTDT Nội trú Bình Liêu
20	84025	PHẠM AN AN	26/8/2010	Bệnh viện Phụ sản Thái Bình	Kinh	Nữ	8	Ngữ văn	12,25	K. Khích	THCS Thị trấn Bình Liêu
21	84026	HOÀNG XUÂN ANH	28/02/2009	Bình Liêu, Quảng Ninh	Tày	Nữ	9	Ngữ văn	11,75	K. Khích	THCS Thị trấn Bình Liêu
22	84027	NÔNG THỊ YÊN DÂN	18/02/2010	Bình Liêu, Quảng Ninh	Tày	Nữ	8	Ngữ văn	13,75	Ba	THCS Thị trấn Bình Liêu
23	84029	HOÀNG TUYẾT NGỌC	27/02/2009	Bình Liêu, Quảng Ninh	Tày	Nữ	9	Ngữ văn	12,50	Ba	PTDT Nội trú Bình Liêu
24	84035	LÊ HOÀNG VY	28/5/2010	Bình Liêu, Quảng Ninh	Tày	Nữ	8	Ngữ văn	12,00	K. Khích	THCS&THPT Hoành Mô
25	84036	PHẠM THỊ MINH ANH	30/9/2009	Bình Liêu, Quảng Ninh	Kinh	Nữ	9	Lịch sử	17,50	Nhất	THCS Thị trấn Bình Liêu

TT	Số báo danh	Họ tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Dân tộc	Giới tính	Lớp	Môn thi	Điểm	Giải	Trường THCS
26	84037	HOÀNG THỊ DUYÊN	10/4/2009	Bình Liêu, Quảng Ninh	Tày	Nữ	9	Lịch sử	15,50	Ba	THCS Vô Ngại
27	84038	NÔNG NGỌC HÀ	14/11/2009	Bình Liêu, Quảng Ninh	Tày	Nữ	9	Lịch sử	15,25	Ba	PTDT Nội trú Bình Liêu
28	84040	VI THỊ NGỌC HUYỀN	09/10/2009	Bình Liêu, Quảng Ninh	Tày	Nữ	9	Lịch sử	13,50	K. Khích	THCS Thị trấn Bình Liêu
29	84041	VŨ THỊ THU HƯƠNG	06/6/2009	Tiên Yên, Quảng Ninh	Kinh	Nữ	9	Lịch sử	15,00	Ba	THCS&THPT Hoàn Hảo
30	84042	LA THỊ HUỠNG	26/7/2009	Bình Liêu, Quảng Ninh	Tày	Nữ	9	Lịch sử	13,00	K. Khích	THCS Lục Hồn
31	84043	HOÀNG TÂM LAN	08/02/2010	Bình Liêu, Quảng Ninh	Tày	Nữ	8	Lịch sử	14,25	Ba	THCS Thị trấn Bình Liêu
32	84045	TÔ HOÀNG LINH	21/10/2009	Bình Liêu, Quảng Ninh	Tày	Nữ	9	Lịch sử	16,00	Nhì	THCS Vô Ngại
33	84047	HOÀNG THỊ NGÂN	02/01/2009	Bình Liêu, Quảng Ninh	Tày	Nữ	9	Lịch sử	16,25	Nhì	PTDT Nội trú Bình Liêu
34	84048	LỤC THỊ NGUYỆT	28/02/2009	Bình Liêu, Quảng Ninh	Tày	Nữ	9	Lịch sử	15,00	Ba	THCS Vô Ngại
35	84049	PHẠM MINH PHƯỢNG	22/11/2010	Bình Liêu, Quảng Ninh	Kinh	Nữ	8	Lịch sử	14,25	Ba	THCS Thị trấn Bình Liêu
36	84050	VI HUỆ SOAN	08/10/2009	Bình Liêu, Quảng Ninh	Tày	Nữ	9	Lịch sử	14,00	K. Khích	THCS Lục Hồn
37	84053	NGUYỄN PHƯƠNG ANH	19/02/2009	Hồng Bàng, Hải Phòng	Kinh	Nữ	9	Địa lí	11,25	K. Khích	THCS Thị trấn Bình Liêu
38	84055	HÀ DIỆP LY	26/10/2009	Bình Liêu, Quảng Ninh	Tày	Nữ	9	Địa lí	11,75	K. Khích	THCS Lục Hồn
39	84061	MA THÙY TRANG	18/12/2009	Bình Liêu, Quảng Ninh	Tày	Nữ	9	Địa lí	12,00	K. Khích	PTDT Nội trú Bình Liêu
40	84062	LA XUÂN TRUNG	20/8/2009	Bình Liêu, Quảng Ninh	Sán Chỉ	Nam	9	Địa lí	12,75	Ba	PTDT Nội trú Bình Liêu
41	84063	TRẦN MẠNH HÙNG	20/8/2009	Bình Liêu, Quảng Ninh	Tày	Nam	9	Tiếng Anh	11,20	K. Khích	THCS Thị trấn Bình Liêu
42	84064	NGÔ BẢO PHONG	22/11/2009	Bình Liêu, Quảng Ninh	Tày	Nam	9	Tiếng Anh	12,20	Ba	THCS Thị trấn Bình Liêu
43	84067	LÝ THỊ QUỲNH ANH	18/7/2009	Bình Liêu, Quảng Ninh	Tày	Nữ	9	GDCD	10,00	K. Khích	THCS Vô Ngại
44	84068	PHẠM QUỲNH ANH	23/11/2010	Hải Hà, Quảng Ninh	Kinh	Nữ	8	GDCD	10,25	K. Khích	PTDTBT TH&THCS Đồng Văn
45	84069	TRẦN THỊ THÚY BÌNH	03/12/2010	Bình Liêu, Quảng Ninh	Sán Chỉ	Nữ	8	GDCD	9,75	K. Khích	PTDT Nội trú Bình Liêu
46	84070	VI HUYỀN ĐAN	26/11/2009	Bình Liêu, Quảng Ninh	Tày	Nữ	9	GDCD	13,25	Ba	PTDT Nội trú Bình Liêu
47	84071	VI THỊ HỒNG HẠNH	05/12/2009	Bình Liêu, Quảng Ninh	Tày	Nữ	9	GDCD	11,50	Ba	PTDT Nội trú Bình Liêu
48	84074	PHÙN THỊ THANH HOA	21/3/2009	Bình Liêu, Quảng Ninh	Dao	Nữ	9	GDCD	10,00	K. Khích	THCS Vô Ngại
49	84081	PHÙN THỊ THU	10/9/2009	Bình Liêu, Quảng Ninh	Dao	Nữ	9	GDCD	12,25	Ba	PTDT Nội trú Bình Liêu
50	84082	HOÀNG ANH THU	01/12/2009	Bình Liêu, Quảng Ninh	Tày	Nữ	9	GDCD	11,50	Ba	THCS Vô Ngại
51	84083	TRẦN THANH TRÀ	13/12/2009	Bình Liêu, Quảng Ninh	Tày	Nữ	9	GDCD	10,00	K. Khích	THCS Vô Ngại
52	84084	LÝ THỊ XUÂN	25/9/2009	Bình Liêu, Quảng Ninh	Sán Chỉ	Nữ	9	GDCD	13,00	Ba	PTDT Nội trú Bình Liêu

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO QUẢNG NINH
KỲ THI CHỌN HỌC SINH GIỎI CẤP TỈNH THCS

Khóa ngày 06/3/2024

DANH SÁCH HỌC SINH ĐOẠT GIẢI

(Kèm theo Quyết định số 283/QĐ-SGDĐT ngày 25 / 3 / 2024 của Sở GDĐT)

Đơn vị: 85-Phòng GDĐT Ba Chẽ

TT	Số báo danh	Họ tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Dân tộc	Giới tính	Lớp	Môn thi	Điểm	Giải	Trường THCS
1	85001	NGUYỄN HOÀNG TRUNG DŨNG	09/05/2009	Tiên Yên - Quảng Ninh	Kinh	Nam	9B	Toán	14,50	Ba	THCS Thị Trấn Ba Chẽ
2	85003	PHẠM NGỌC MINH	06/10/2009	Ba Chẽ - Quảng Ninh	Kinh	Nam	9A	Toán	13,25	K. Khích	THCS Thị Trấn Ba Chẽ
3	85004	LAN NGUYỄN ANH QUÂN	24/12/2009	Ba Chẽ - Quảng Ninh	Tày	Nam	9A	Toán	17,00	Nhì	THCS Thị Trấn Ba Chẽ
4	85011	TRIỆU THẢO NGỌC	30/12/2008	Ba Chẽ -Quảng Ninh	Dao	Nữ	9A	Sinh học	12,25	K. Khích	PTDT Nội trú Ba Chẽ
5	85014	LÊ THỊ ÁNH	09/02/2011	Krông Nô - Đăk Nông	Kinh	Nữ	7C	Ngữ văn	12,00	K. Khích	THCS Thị Trấn Ba Chẽ
6	85016	NGUYỄN HUYỀN DIỆU	23/04/2009	Uông Bí - Quảng Ninh	Tày	Nữ	9A	Ngữ văn	15,00	Nhì	THCS Thị Trấn Ba Chẽ
7	85017	PHẠM THÙY DƯƠNG	16/09/2005	Khoái Châu - Hưng Yên	Kinh	Nữ	9B	Ngữ văn	13,00	Ba	THCS Thị Trấn Ba Chẽ
8	85018	VŨ THÀNH ĐẠT	26/01/2010	Ba Chẽ - Quảng Ninh	Kinh	Nam	8A	Ngữ văn	11,75	K. Khích	THCS Thị Trấn Ba Chẽ
9	85020	NGUYỄN THU PHƯƠNG	28/03/2010	Ba Chẽ - Quảng Ninh	Kinh	Nữ	8A	Ngữ văn	12,75	Ba	THCS Thị Trấn Ba Chẽ
10	85021	MÃ THỊ TỔ UYÊN	14/3/2009	Ba Chẽ -Quảng Ninh	Tày	Nữ	9A	Ngữ văn	12,25	K. Khích	PTDT Nội trú Ba Chẽ
11	85022	LÝ THỊ HOÀNG YẾN	06/7/2010	Ba Chẽ - Quảng Ninh	Dao	Nữ	8A	Ngữ văn	13,25	Ba	PTDTBT TH&THCS Nam Sơn
12	85026	ĐINH THỊ THU HẰNG	29/3/2009	Nam Sơn, Ba Chẽ	Kinh	Nữ	9A	Lịch sử	13,00	K. Khích	PTDTBT TH&THCS Nam Sơn
13	85037	VI MINH ĐỨC	01/03/2009	Ba Chẽ - Quảng Ninh	Tày	Nam	9B	Địa lí	13,00	Ba	THCS Thị Trấn Ba Chẽ
14	85045	LÃ THỊ TRÂM ANH	18/10/2009	Ba Chẽ - Quảng Ninh	Tày	Nữ	9A	GDCD	11,25	Ba	THCS Thị Trấn Ba Chẽ
15	85049	LƯU YẾN NHI	07/11/2009	Vân Đồn, Quảng Ninh	Kinh	Nữ	9B	GDCD	11,25	Ba	PTDT Nội trú Ba Chẽ
16	85050	TRIỆU THỊ THẨM	07/8/2009	Ba Chẽ -Quảng Ninh	Dao	Nữ	9B	GDCD	13,50	Nhì	PTDT Nội trú Ba Chẽ
17	85051	VI XUÂN TRIỆU	09/01/2010	Ba Chẽ -Quảng Ninh	Dao	Nam	8A	GDCD	10,75	K. Khích	PTDT Nội trú Ba Chẽ
18	85052	HOÀNG THỊ THÙY UYÊN	18/11/2009	Ba Chẽ, Quảng Ninh	Kinh	Nữ	9B	GDCD	10,50	K. Khích	PTDTBT TH&THCS Nam Sơn

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO QUẢNG NINH
KỲ THI CHỌN HỌC SINH GIỎI CẤP TỈNH THCS

Khóa ngày 06/3/2024

DANH SÁCH HỌC SINH ĐOẠT GIẢI

(Kèm theo Quyết định số 283/QĐ-SGDĐT ngày 25 / 3 / 2024 của Sở GDĐT)

Đơn vị: 86-Phòng GDĐT Tiên Yên

TT	Số báo danh	Họ tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Dân tộc	Giới tính	Lớp	Môn thi	Điểm	Giải	Trường THCS
1	86001	NGUYỄN LÂM TÙNG BÁCH	28/9/2009	Tiên Yên, Quảng Ninh	Kinh	Nam	9	Toán	13,00	K. Khích	THCS thị trấn Tiên Yên
2	86004	PHÙNG NHẬT MINH	05/10/2010	Tiên Yên, Quảng Ninh	Kinh	Nam	8	Toán	12,25	K. Khích	THCS thị trấn Tiên Yên
3	86007	HÀ ÁNH DƯƠNG	05/7/2009	Tiên Yên, Quảng Ninh	Kinh	Nữ	9	Vật lí	10,50	K. Khích	THCS thị trấn Tiên Yên
4	86010	NGUYỄN VŨ PHONG	05/01/2009	Tiên Yên, Quảng Ninh	Kinh	Nam	9	Vật lí	11,50	Ba	TH&THCS Yên Than
5	86016	TRẦN TIẾN CÔNG	11/02/2009	Tiên Yên, Quảng Ninh	Sán chỉ	Nam	9	Sinh học	16,50	Nhì	THCS&THPT Hải Đông
6	86017	ĐÌNH QUANG ĐẠT	31/3/2009	Tiên Yên, Quảng Ninh	Kinh	Nam	9	Sinh học	16,00	Nhì	THCS thị trấn Tiên Yên
7	86018	TÔ THỊ MỸ LINH	04/3/2009	Tiên Yên, Quảng Ninh	Nùng	Nữ	9	Sinh học	13,00	K. Khích	THCS&THPT Hải Đông
8	86019	PHẠM TUỜNG VY	14/9/2009	Tiên Yên, Quảng Ninh	Kinh	Nữ	9	Sinh học	15,25	Ba	THCS thị trấn Tiên Yên
9	86026	LA BẢO HÂN	09/9/2009	Tiên Yên, Quảng Ninh	Sán chỉ	Nữ	9	Ngữ văn	11,75	K. Khích	THCS&THPT Hải Đông
10	86028	TÔ PHƯƠNG HỒNG	08/7/2009	Tiên Yên, Quảng Ninh	Kinh	Nữ	9	Ngữ văn	11,75	K. Khích	THCS Đông Ngũ
11	86029	LƯƠNG ĐĂNG KHOA	18/3/2010	Tiên Yên, Quảng Ninh	Kinh	Nam	8	Ngữ văn	11,75	K. Khích	THCS Đông Ngũ
12	86030	BÙI HÀ LINH	14/3/2009	Chí Linh, Hải Dương	Tày	Nữ	9	Ngữ văn	12,25	K. Khích	THCS Đông Ngũ
13	86041	HOÀNG THÙY LINH	04/3/2009	Tiên Yên, Quảng Ninh	Mường	Nữ	9	Lịch sử	17,00	Nhì	THCS thị trấn Tiên Yên
14	86042	LÊ HÀ LINH	19/02/2009	Tiên Yên, Quảng Ninh	Kinh	Nữ	9	Lịch sử	14,00	K. Khích	THCS thị trấn Tiên Yên
15	86043	PHẠM GIA LINH	23/11/2010	Tiên Yên, Quảng Ninh	Kinh	Nữ	8	Lịch sử	15,00	Ba	THCS Hải Lạng
16	86044	NGÔ LƯU LY	09/01/2009	Tiên Yên, Quảng Ninh	Sán Dìu	Nữ	9	Lịch sử	14,00	K. Khích	THCS thị trấn Tiên Yên
17	86046	NGUYỄN THỊ HỒNG NHUNG	27/01/2009	Tiên Yên, Quảng Ninh	Kinh	Nữ	9	Lịch sử	15,25	Ba	TH&THCS Đồng Rui
18	86047	MẠC THẾ QUÂN	07/6/2009	Tiên Yên, Quảng Ninh	Sán dìu	Nam	9	Lịch sử	13,75	K. Khích	THCS Đông Ngũ
19	86048	HÀ NHƯ QUỲNH	07/5/2009	Tiên Yên, Quảng Ninh	Kinh	Nữ	9	Lịch sử	13,00	K. Khích	THCS&THPT Hải Đông
20	86050	ĐÌNH THU TRANG	11/9/2009	Tiên Yên, Quảng Ninh	Kinh	Nữ	9	Lịch sử	14,50	Ba	THCS thị trấn Tiên Yên
21	86052	BÙI THỊ CẨM TÚ	19/01/2010	Tiên Yên, Quảng Ninh	Kinh	Nữ	8	Lịch sử	14,00	K. Khích	THCS Đông Ngũ
22	86053	TRẦN THỊ CẨM TÚ	30/3/2010	Thuận An, Bình Dương	Kinh	Nữ	8	Lịch sử	14,25	Ba	TH&THCS Đồng Rui
23	86055	LÊ VI THẢO ANH	29/12/2009	Đầm Hà, Quảng Ninh	Kinh	Nữ	9	Địa lí	11,00	K. Khích	THCS thị trấn Tiên Yên
24	86057	DƯƠNG THỊ THANH HÀ	09/7/2009	Tiên Yên, Quảng Ninh	Tày	Nữ	9	Địa lí	12,75	Ba	THCS Phong Dụ
25	86058	NGUYỄN THÚY HÀ	30/01/2010	Tiên Yên, Quảng Ninh	Kinh	Nữ	8	Địa lí	12,00	K. Khích	THCS Tiên Lãng

TT	Số báo danh	Họ tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Dân tộc	Giới tính	Lớp	Môn thi	Điểm	Giải	Trường THCS
26	86060	NGUYỄN THẢO MY	18/4/2009	Tiên Yên, Quảng Ninh	Sán Dìu	Nữ	9	Địa lí	14,00	Nhì	THCS Hải Lạng
27	86062	NÈNH THỊ QUỲNH	13/7/2010	Tiên Yên, Quảng Ninh	Sán chỉ	Nữ	8	Địa lí	11,00	K. Khích	THCS&THPT Hải Đông
28	86064	HÀ ANH THU	26/8/2009	Tiên Yên, Quảng Ninh	Kinh	Nữ	9	Địa lí	11,75	K. Khích	THCS&THPT Hải Đông
29	86065	PHẠM PHƯƠNG VY	02/01/2009	Tiên Yên, Quảng Ninh	Kinh	Nữ	9	Địa lí	11,25	K. Khích	THCS Hải Lạng
30	86067	PHẠM HOÀNG BÁCH	25/02/2011	Tiên Yên, Quảng Ninh	Kinh	Nam	7	Tiếng Anh	10,00	K. Khích	THCS thị trấn Tiên Yên
31	86069	ĐOÀN VŨ NHÂN KIẾT	26/4/2011	Tiên Yên, Quảng Ninh	Kinh	Nam	7	Tiếng Anh	11,50	Ba	THCS thị trấn Tiên Yên
32	86070	VŨ THỊ DUYÊN	03/10/2009	Tiên Yên, Quảng Ninh	Kinh	Nữ	9	GDCD	14,25	Nhì	TH&THCS Đồng Rui
33	86071	TRẦN THỊ HƯƠNG GIANG	25/5/2010	Tiên Yên, Quảng Ninh	Tày	Nữ	8	GDCD	11,50	Ba	THCS Phong Dụ
34	86072	LÊ NGỌC HƯƠNG	20/5/2010	Tiên Yên, Quảng Ninh	Kinh	Nữ	8	GDCD	14,50	Nhất	TH&THCS Đồng Rui
35	86073	BÙI THỊ MAI LINH	15/9/2010	Tiên Yên, Quảng Ninh	Kinh	Nữ	8	GDCD	13,00	Ba	TH&THCS Đồng Rui
36	86074	TÔ THỊ THÙY LINH	27/02/2009	Tiên Yên, Quảng Ninh	Tày	Nữ	9	GDCD	12,50	Ba	TH&THCS Điền Xá
37	86075	TÔ KHÁNH LY	21/11/2010	Tiên Yên, Quảng Ninh	Kinh	Nữ	8	GDCD	12,25	Ba	THCS Đông Ngũ
38	86077	TÀNG THỊ MÚI	14/6/2009	Tiên Yên, Quảng Ninh	Sán chỉ	Nữ	9	GDCD	12,00	Ba	TH&THCS Đại Dực 1
39	86078	HOÀNG KIM NGÂN	15/11/2010	Tiên Yên, Quảng Ninh	Kinh	Nữ	8	GDCD	11,50	Ba	THCS thị trấn Tiên Yên
40	86079	NGUYỄN BẢO NGỌC	18/6/2009	Tiên Yên, Quảng Ninh	Tày	Nữ	9	GDCD	13,25	Ba	THCS thị trấn Tiên Yên
41	86081	NGUYỄN YẾN NHI	29/5/2010	Tiên Yên, Quảng Ninh	Kinh	Nữ	8	GDCD	11,00	K. Khích	THCS Hải Lạng
42	86082	TÔ YẾN NHI	10/7/2009	Tiên Yên, Quảng Ninh	Kinh	Nữ	9	GDCD	13,50	Nhì	THCS thị trấn Tiên Yên
43	86083	TÔ TÂM NHƯ	26/6/2009	Tiên Yên, Quảng Ninh	Sán Dìu	Nữ	9	GDCD	11,75	Ba	THCS thị trấn Tiên Yên
44	86084	TRẦN THỊ THẢO	25/11/2010	Tiên Yên, Quảng Ninh	Tày	Nữ	8	GDCD	14,00	Nhì	THCS Đông Ngũ
45	86087	LÝ THỊ THU	18/7/2009	Tiên Yên, Quảng Ninh	Dao	Nữ	9	GDCD	11,75	Ba	PTDT Nội trú THCS và THPT Tiên Yên
46	86088	PHÍ QUỲNH TRANG	17/7/2010	Tiên Yên, Quảng Ninh	Kinh	Nữ	8	GDCD	10,75	K. Khích	THCS thị trấn Tiên Yên
47	86089	TRẦN THANH TUYỀN	23/3/2010	Tiên Yên, Quảng Ninh	Kinh	Nữ	8	GDCD	13,00	Ba	THCS thị trấn Tiên Yên

Đơn vị: 87-Phòng GDĐT Cô Tô

TT	Số báo danh	Họ tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Dân tộc	Giới tính	Lớp	Môn thi	Điểm	Giải	Trường THCS
1	87002	BÙI DUY QUÂN	20/08/2010	Vân Đồn - Quảng Ninh	Kinh	Nam	8	Lịch sử	15,75	Nhì	THCS Thị Trấn Cô Tô
2	87014	NGUYỄN NGỌC BẢO UYÊN	16/8/2010	Hải Hậu - Nam Định	Kinh	Nữ	8	GDCD	11,00	K. Khích	THCS Thị Trấn Cô Tô

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO QUẢNG NINH
KỲ THI CHỌN HỌC SINH GIỎI CẤP TỈNH THCS

Khóa ngày 06/3/2024

DANH SÁCH HỌC SINH ĐOẠT GIẢI

(Kèm theo Quyết định số 283/QĐ-SGDĐT ngày 25 / 3 / 2024 của Sở GDĐT)

Đơn vị: 88-Phòng GDĐT Vân Đồn

TT	Số báo danh	Họ tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Dân tộc	Giới tính	Lớp	Môn thi	Điểm	Giải	Trường THCS
1	88003	NGÔ ĐỨC HUY	11/01/2009	BV Việt Nam,Thụy Điền,UB	Sán Dìu	Nam	9A1	Toán	13,00	K. Khích	THCS Đông Xá
2	88004	MAI NGỌC TƯỜNG LÂM	10/8/2009	Vân Đồn, Quảng Ninh	Kinh	Nam	9A4	Toán	12,50	K. Khích	THCS Thị trấn Cái Ròng
3	88009	VŨ QUANG DŨNG	19/12/2009	Vân Đồn-Quảng Ninh	Kinh	Nam	9A1	Hóa học	11,75	K. Khích	THCS Thị trấn Cái Ròng
4	88010	PHẠM QUANG HOÀN	11/4/2009	Vân Đồn-Quảng Ninh	Kinh	Nam	9A4	Hóa học	17,75	Ba	THCS Thị trấn Cái Ròng
5	88012	BÙI ĐOÀN NGỌC MINH	14/8/2009	Vân Đồn-Quảng Ninh	Kinh	Nữ	9A1	Hóa học	16,00	Ba	THCS Thị trấn Cái Ròng
6	88014	HOÀNG GIA PHÚC	22/4/2009	Bệnh viện Phụ Sản Hải Phòng	Kinh	Nam	9A4	Hóa học	17,75	Ba	THCS Thị trấn Cái Ròng
7	88024	NGUYỄN TÂM LOAN	15/9/2010	BVĐK Thành phố Cẩm Phả	Kinh	Nữ	8A2	Ngữ văn	12,00	K. Khích	THCS Đông Xá
8	88025	CHU HÀ MY	17/8/2009	Vân Đồn - Quảng Ninh	Kinh	Nữ	9A1	Ngữ văn	12,75	Ba	THCS Hạ Long
9	88028	VŨ THANH TÂM	16/7/2009	BVĐK Vân Đồn- Quảng Ninh	Kinh	Nữ	9A1	Ngữ văn	11,75	K. Khích	THCS Đông Xá
10	88029	NGUYỄN PHƯƠNG THẢO	14/7/2009	Vân Đồn - Quảng Ninh	Kinh	Nữ	9A1	Ngữ văn	11,75	K. Khích	THCS Hạ Long
11	88033	PHẠM ANH THU	18/01/2009	BVĐK Vân Đồn- Quảng Ninh	Kinh	Nữ	9A1	Lịch sử	15,00	Ba	THCS Đông Xá
12	88036	ĐÀO MINH ANH	28/7/2009	BVĐK Cẩm Phả, Quảng Ninh	Kinh	Nữ	9A1	Địa lí	15,00	Nhì	THCS Đông Xá
13	88042	CHU ĐÌNH CƯỜNG	23/11/2009	BVĐK Vân Đồn - Quảng Ninh	Kinh	Nam	9A1	Tiếng Anh	13,20	Ba	THCS Đông Xá
14	88043	NGUYỄN DANH HỒNG	29/10/2009	Vân Đồn - Quảng Ninh	Kinh	Nam	9A4	Tiếng Anh	13,60	Nhì	THCS Thị trấn Cái Ròng
15	88047	NGUYỄN THỊ MINH NGUYỆT	10/01/2009	Vân Đồn - Quảng Ninh	Sán Dìu	Nữ	9A1	Tiếng Anh	14,50	Nhì	THCS Thị trấn Cái Ròng
16	88050	LÊ NGỌC ÁNH	26/10/2010	BVĐK Vân Đồn - Quảng Ninh	Kinh	Nữ	8A3	GDCD	10,75	K. Khích	THCS Đông Xá
17	88051	NGUYỄN NGỌC LAN	04/5/2010	BV phụ sản Hải Phòng	Kinh	Nữ	8A1	GDCD	10,50	K. Khích	THCS Đông Xá
18	88052	HÀ ANH THƠ	27/6/2009	Vân Đồn-Quảng Ninh	Sán dìu	Nữ	9A1	GDCD	12,00	Ba	THCS Thị trấn Cái Ròng
19	88053	NGUYỄN THỊ ANH THU	17/3/2009	Vân Đồn- Quảng Ninh	Kinh	Nữ	9A2	GDCD	11,50	Ba	THCS Hạ Long

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO QUẢNG NINH
KỲ THI CHỌN HỌC SINH GIỎI CẤP TỈNH THCS

Khóa ngày 06/3/2024

DANH SÁCH HỌC SINH ĐOẠT GIẢI

(Kèm theo Quyết định số 283/QĐ-SGDĐT ngày 25 / 3 / 2024 của Sở GDĐT)

Đơn vị: 89-Phòng GDĐT Cẩm Phả

TT	Số báo danh	Họ tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Dân tộc	Giới tính	Lớp	Môn thi	Điểm	Giải	Trường THCS
1	89003	NGUYỄN TUẤN ANH	01/12/2009	Ý Yên, Nam Định	Kinh	Nam	9A1	Toán	13,50	Ba	THCS Lý Tự Trọng
2	89015	TRẦN GIA HƯNG	09/11/2009	Thanh Sơn, Phú Thọ	Kinh	Nam	9A7	Toán	10,25	K. Khích	THCS Lý Tự Trọng
3	89017	NGUYỄN ĐỖ TUẤN KIỆT	04/8/2010	Hạ Long, Quảng Ninh	Kinh	Nam	8A5	Toán	15,25	Nhì	THCS Chu Văn An
4	89019	PHẠM HỮU NAM	20/9/2009	Hạ Long, Quảng Ninh	Kinh	Nam	9A4	Toán	11,50	K. Khích	THCS Chu Văn An
5	89024	LÊ HỮU THÀNH	22/7/2009	Hạ Long, Quảng Ninh	Kinh	Nam	9A5	Toán	10,00	K. Khích	THCS Chu Văn An
6	89031	NGUYỄN TUẤN ANH	06/11/2009	Hạ Long, Quảng Ninh	Kinh	Nam	9A3	Vật lí	15,50	K. Khích	THCS Trọng Điểm
7	89032	TRẦN DUY ANH	07/5/2009	Cẩm Phả, Quảng Ninh	Kinh	Nam	9A1	Vật lí	17,00	Ba	THCS Quang Hanh
8	89033	CHÂM HỒNG DIỆP	15/11/2010	Hạ Long, Quảng Ninh	Sán Dìu	Nữ	8A1	Vật lí	17,25	Ba	THCS Thống Nhất
9	89034	NGUYỄN BÁ ĐÔNG	24/12/2009	Hạ Long, Quảng Ninh	Kinh	Nam	9A4	Vật lí	17,00	Ba	THCS Chu Văn An
10	89035	NGUYỄN VIỆT ĐỨC	25/02/2009	Cẩm Phả, Quảng Ninh	Kinh	Nam	9A3	Vật lí	15,50	K. Khích	THCS Cẩm Bình
11	89036	VŨ MINH ĐỨC	04/5/2009	Hạ Long, Quảng Ninh	Kinh	Nam	9A3	Vật lí	14,75	K. Khích	THCS Chu Văn An
12	89037	NGUYỄN TRƯỜNG HẢI	20/01/2009	Hạ Long, Quảng Ninh	Kinh	Nam	9A1	Vật lí	14,50	K. Khích	THCS Trọng Điểm
13	89040	PHẠM GIA HUY	31/7/2009	Phủ Lý, Hà Nam	Kinh	Nam	9A2	Vật lí	19,25	Nhất	THCS Nam Hải
14	89041	THIỆU KHÁNH HUY	25/5/2009	Hạ Long, Quảng Ninh	Kinh	Nam	9A5	Vật lí	17,50	Ba	THCS Chu Văn An
15	89042	ĐOÀN BẢO LÂM	23/3/2009	Cẩm Phả, Quảng Ninh	Kinh	Nam	9A1	Vật lí	15,25	K. Khích	THCS Cẩm Thành
16	89044	NGUYỄN TÙNG LÂM	12/01/2009	Hạ Long, Quảng Ninh	Kinh	Nam	9A4	Vật lí	18,00	Nhì	THCS Chu Văn An
17	89045	TÂY ĐỨC NAM	29/8/2009	Hạ Long, Quảng Ninh	Sán dìu	Nam	9A4	Vật lí	16,75	Ba	THCS Cửa Ông
18	89046	NGUYỄN THỊ KIM OANH	24/3/2009	Quỳnh Lưu, Nghệ An	Kinh	Nữ	9A2	Vật lí	14,25	K. Khích	THCS Thống Nhất
19	89047	ĐỖ HUY PHÚ	30/11/2009	Hạ Long, Quảng Ninh	Kinh	Nam	9A5	Vật lí	19,00	Nhì	THCS Cửa Ông
20	89048	NGUYỄN MINH QUÂN	11/01/2009	Hạ Long, Quảng Ninh	Kinh	Nam	9A4	Vật lí	18,75	Nhì	THCS Cửa Ông
21	89053	PHAN ANH THU	22/8/2009	Cẩm Phả, Quảng Ninh	Kinh	Nữ	9A1	Vật lí	17,50	Ba	THCS Cẩm Thành
22	89055	LÊ ĐỨC ANH TUẤN	09/9/2009	Cẩm Phả, Quảng Ninh	Kinh	Nam	9A1	Vật lí	19,00	Nhì	THCS Chu Văn An
23	89060	LÊ HẢI ĐĂNG	01/9/2009	Khoái Châu, Hưng Yên	Kinh	Nam	9A6	Hóa học	18,00	Nhì	THCS Trọng Điểm
24	89064	ĐOÀN HỒNG HÀ	31/8/2009	Hạ Long, Quảng Ninh	Kinh	Nữ	9A6	Hóa học	13,50	K. Khích	THCS Bái Tử Long

TT	Số báo danh	Họ tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Dân tộc	Giới tính	Lớp	Môn thi	Điểm	Giải	Trường THCS
25	89065	PHẠM VŨ NHẬT HÀ	19/7/2009	Cẩm Phả, Quảng Ninh	Kinh	Nữ	9A2	Hóa học	19,00	Nhì	THCS Suối Khoáng
26	89070	BÙI BÌNH MINH	22/02/2009	Hạ Long, Quảng Ninh	Kinh	Nam	9A4	Hóa học	18,75	Nhì	THCS Chu Văn An
27	89071	NGUYỄN ĐỨC MINH	12/11/2009	Hạ Long, Quảng Ninh	Kinh	Nam	9A4	Hóa học	18,50	Nhì	THCS Chu Văn An
28	89073	NGUYỄN LÊ THANH	16/01/2009	Cẩm Phả, Quảng Ninh	Kinh	Nữ	9A4	Hóa học	13,75	K. Khích	THCS Cẩm Thịnh
29	89077	ĐÀM NGUYỄN HÀ THU	20/4/2009	Hà Nội	Kinh	Nữ	9A1	Hóa học	18,75	Nhì	THCS Suối Khoáng
30	89083	HOÀNG NGUYỄN PHƯƠNG CHI	05/12/2009	Hạ Long, Quảng Ninh	Kinh	Nữ	9A4	Sinh học	14,50	K. Khích	THCS Suối Khoáng
31	89092	ĐỖ LÊ MAI LAN	08/7/2009	Phủ Lý, Hà Nam	Kinh	Nữ	9A3	Sinh học	15,50	Ba	THCS Mông Dương
32	89096	DƯƠNG HÙNG LONG	21/12/2009	Hạ Long, Quảng Ninh	Kinh	Nam	9A5	Sinh học	14,00	K. Khích	THCS Lý Tự Trọng
33	89100	PHẠM NGỌC GIA NHƯ	23/5/2010	Hạ Long, Quảng Ninh	Kinh	Nữ	8A4	Sinh học	15,75	Ba	THCS Chu Văn An
34	89101	NGUYỄN MAI PHƯƠNG	18/01/2009	Cẩm Phả, Quảng Ninh	Kinh	Nữ	9A6	Sinh học	16,75	Nhì	THCS Cửa Ông
35	89104	TRẦN QUỐC TIẾN	23/6/2009	Hạ Long, Quảng Ninh	Kinh	Nam	9A5	Sinh học	17,00	Nhì	THCS Bái Tử Long
36	89114	NGUYỄN MINH HOÀNG	03/01/2010	Hạ Long, Quảng Ninh	Kinh	Nam	8A2	Tin học	10,65	Ba	THCS Chu Văn An
37	89130	NGUYỄN THỊ BẢO HÂN	24/8/2009	Hạ Long, Quảng Ninh	Kinh	Nữ	9A1	Ngữ văn	15,00	Nhì	THCS Chu Văn An
38	89134	HOÀNG KHÁNH HUYỀN	26/12/2009	Cẩm Phả, Quảng Ninh	Kinh	Nữ	9A6	Ngữ văn	13,50	Ba	THCS Cửa Ông
39	89135	ĐẶNG HÀ LINH LINH	04/11/2010	Hạ Long, Quảng Ninh	Kinh	Nữ	8A7	Ngữ văn	13,00	K. Khích	THCS Cẩm Sơn
40	89136	HÀ PHƯƠNG LINH	13/02/2009	Cẩm Phả, Quảng Ninh	Kinh	Nữ	9A1	Ngữ văn	13,00	K. Khích	THCS Lý Tự Trọng
41	89139	NGUYỄN QUỲNH NHƯ	17/7/2009	Hải Dương	Kinh	Nữ	9A2	Ngữ văn	14,00	Ba	THCS Lý Tự Trọng
42	89140	HÀ NHƯ QUỲNH	21/7/2009	Cẩm Phả, Quảng Ninh	Kinh	Nữ	9A4	Ngữ văn	13,75	Ba	THCS Cẩm Thịnh
43	89141	HOÀNG MAI TRÚC QUỲNH	01/11/2009	Hạ Long, Quảng Ninh	Kinh	Nữ	9A2	Ngữ văn	16,25	Nhất	THCS Chu Văn An
44	89146	NGUYỄN MINH THU	21/01/2009	Cẩm Phả, Quảng Ninh	Kinh	Nữ	9A4	Ngữ văn	13,00	K. Khích	THCS Cửa Ông
45	89148	ĐOÀN PHƯƠNG ANH	09/01/2010	Hạ Long, Quảng Ninh	Kinh	Nữ	8A2	Lịch sử	14,00	Ba	THCS Chu Văn An
46	89149	LÊ VŨ TRÂM ANH	28/7/2009	Cẩm Phả, Quảng Ninh	Kinh	Nữ	9A3	Lịch sử	13,75	K. Khích	THCS Mông Dương
47	89150	NGUYỄN BẢO ANH	16/10/2010	Cẩm Phả, Quảng Ninh	Kinh	Nữ	8A2	Lịch sử	16,75	Nhì	THCS Chu Văn An
48	89154	LÙ THỊ BÉ	19/4/2009	Cẩm Phả, Quảng Ninh	Tày	Nữ	9A2	Lịch sử	15,50	Nhì	TH&THCS Cộng Hòa
49	89155	HÀ BẢO CHÂU	21/12/2009	Cẩm Phả, Quảng Ninh	Kinh	Nữ	9A5	Lịch sử	16,50	Nhì	THCS Lý Tự Trọng
50	89157	NGUYỄN XUÂN THANH HẢI	26/4/2011	Hạ Long, Quảng Ninh	Kinh	Nữ	7A3	Lịch sử	15,25	Ba	THCS Suối Khoáng
51	89159	PHẠM BÁCH HUYỀN	02/8/2010	Cẩm Phả, Quảng Ninh	Kinh	Nữ	8A3	Lịch sử	15,25	Ba	THCS Nam Hải
52	89160	PHẠM THỊ MAI LIÊN	27/4/2011	Uông Bí, Quảng Ninh	Kinh	Nữ	7A1	Lịch sử	14,75	Ba	THCS Chu Văn An
53	89163	NGUYỄN PHƯƠNG LINH	20/8/2009	Hưng Yên	Kinh	Nữ	9A3	Lịch sử	13,75	K. Khích	THCS Mông Dương

TT	Số báo danh	Họ tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Dân tộc	Giới tính	Lớp	Môn thi	Điểm	Giải	Trường THCS
54	89164	NGUYỄN THÙY LINH	21/7/2009	Cẩm Phả, Quảng Ninh	Kinh	Nữ	9A2	Lịch sử	14,50	Ba	THCS Chu Văn An
55	89165	NGUYỄN HÀ CẨM LY	29/01/2009	Điện Biên	Kinh	Nữ	9A2	Lịch sử	12,75	K. Khích	TH&THCS Cộng Hòa
56	89167	TRẦN HIỀN NHI	15/5/2010	Cẩm Phả, Quảng Ninh	Kinh	Nữ	8A1	Lịch sử	14,25	Ba	THCS Nam Hải
57	89169	HOÀNG THU PHƯƠNG	25/4/2010	Cẩm Phả, Quảng Ninh	Sán Dìu	Nữ	8A2	Lịch sử	16,50	Nhì	TH&THCS Cộng Hòa
58	89171	HOÀNG ĐIệp MỸ TÂM	28/01/2010	Vân Đồn, Quảng Ninh	Sán Dìu	Nữ	8A1	Lịch sử	17,50	Nhất	TH&THCS Cộng Hòa
59	89172	VŨ NGỌC TẤN	03/9/2010	Cẩm Phả, Quảng Ninh	Kinh	Nam	8A2	Lịch sử	15,75	Nhì	THCS Quang Hanh
60	89174	VŨ HOÀNG TÙNG	05/8/2011	Cẩm Phả, Quảng Ninh	Kinh	Nam	7A3	Lịch sử	13,75	K. Khích	THCS Nam Hải
61	89175	NGUYỄN THỊ THANH VŨ	07/12/2010	Thái Thụy, Thái Bình	Kinh	Nữ	8A4	Lịch sử	14,50	Ba	THCS Mông Dương
62	89186	NGUYỄN GIA HUY	05/9/2009	Hạ Long, Quảng Ninh	Kinh	Nam	9A4	Địa lí	11,50	K. Khích	THCS Cẩm Thành
63	89196	VŨ KIM OANH	21/3/2010	Cẩm Phả, Quảng Ninh	Kinh	Nữ	8A3	Địa lí	12,50	K. Khích	THCS Chu Văn An
64	89198	HOÀNG KHÁNH TRANG	08/5/2009	Cẩm Phả, Quảng Ninh	Kinh	Nữ	9A3	Địa lí	11,50	K. Khích	THCS Cẩm Sơn
65	89201	LA TRẦN MINH ANH	10/01/2009	Hạ Long, Quảng Ninh	Kinh	Nữ	9A6	Tiếng Anh	14,00	Ba	THCS Bái Tử Long
66	89203	NGUYỄN ĐỨC NGUYỄN BẢO	05/01/2009	Hạ Long, Quảng Ninh	Kinh	Nam	9A3	Tiếng Anh	13,20	Ba	THCS Trọng Điểm
67	89204	VŨ NHẬT DUNG	15/6/2010	Hạ Long, Quảng Ninh	Kinh	Nữ	8A3	Tiếng Anh	14,40	Ba	THCS Chu Văn An
68	89212	NGUYỄN GIA LINH	07/10/2009	Hạ Long, Quảng Ninh	Kinh	Nữ	9A1	Tiếng Anh	12,00	K. Khích	THCS Trọng Điểm
69	89213	PHẠM ĐIệp LINH	30/01/2009	Cẩm Phả, Quảng Ninh	Kinh	Nữ	9A4	Tiếng Anh	15,60	Nhất	THCS Chu Văn An
70	89214	NGUYỄN THÀNH LONG	29/3/2010	Cẩm Phả, Quảng Ninh	Kinh	Nam	8A2	Tiếng Anh	12,10	K. Khích	THCS Chu Văn An
71	89218	TRẦN ĐOãn BÌNH MINH	20/10/2009	Hạ Long, Quảng Ninh	Kinh	Nam	9A4	Tiếng Anh	13,10	Ba	THCS Bái Tử Long
72	89220	NGUYỄN LINH NGỌC	30/4/2010	Hạ Long, Quảng Ninh	Kinh	Nữ	8A4	Tiếng Anh	13,40	Ba	THCS Chu Văn An
73	89221	ĐẶNG HOÀNG NINH	17/4/2009	Cẩm Phả, Quảng Ninh	Sán dìu	Nam	9A2	Tiếng Anh	13,00	Ba	THCS Lý Tự Trọng
74	89222	NGUYỄN TUẤN PHONG	23/02/2010	Uông Bí, Quảng Ninh	Kinh	Nam	8A4	Tiếng Anh	12,70	K. Khích	THCS Chu Văn An
75	89223	NGUYỄN XUÂN PHÚ	30/9/2009	Hạ Long, Quảng Ninh	Kinh	Nam	9A2	Tiếng Anh	15,00	Nhì	THCS Chu Văn An
76	89224	PHẠM ĐIệp THU	29/6/2009	Hạ Long, Quảng Ninh	Kinh	Nữ	9A1	Tiếng Anh	12,50	K. Khích	THCS Cẩm Thành
77	89226	NGUYỄN ĐÌNH TRỌNG	12/02/2009	Hạ Long, Quảng Ninh	Kinh	Nam	9A4	Tiếng Anh	14,70	Nhì	THCS Chu Văn An
78	89228	PHẠM TRƯỜNG TUỆ	19/01/2009	Hạ Long, Quảng Ninh	Kinh	Nam	9A1	Tiếng Anh	14,80	Nhì	THCS Lý Tự Trọng
79	89229	LÊ THANH TÙNG	11/01/2009	Hạ Long, Quảng Ninh	Kinh	Nam	9A1	Tiếng Anh	13,60	Ba	THCS Chu Văn An
80	89230	NGUYỄN ĐỨC THÀNH VINH	07/4/2010	Hạ Long, Quảng Ninh	Kinh	Nam	8A5	Tiếng Anh	12,00	K. Khích	THCS Chu Văn An
81	89231	LÊ THÙY AN	27/02/2011	Hạ Long, Quảng Ninh	Kinh	Nữ	7A8	GDCD	12,25	K. Khích	THCS Bái Tử Long
82	89232	HÀ THỊ PHƯƠNG ANH	14/9/2010	Cẩm Phả, Quảng Ninh	Kinh	Nữ	8A1	GDCD	11,75	K. Khích	TH&THCS Cộng Hòa

TT	Số báo danh	Họ tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Dân tộc	Giới tính	Lớp	Môn thi	Điểm	Giải	Trường THCS
83	89233	NGUYỄN TRẦN LAN ANH	20/4/2010	Hương Trà, Thừa Thiên Huế	Kinh	Nữ	8A3	GDCD	12,75	Ba	THCS Nam Hải
84	89235	NGUYỄN MAI NGỌC ANH	27/7/2010	Hạ Long, Quảng Ninh	Kinh	Nữ	8A5	GDCD	13,00	Ba	THCS Chu Văn An
85	89237	BÙI KHÁNH CHI	11/6/2010	Hạ Long, Quảng Ninh	Kinh	Nữ	8A3	GDCD	12,00	K. Khích	THCS Nam Hải
86	89242	PHẠM THỊ THANH HIỀN	08/3/2010	Cầm Phả, Quảng Ninh	Kinh	Nữ	8A3	GDCD	12,75	Ba	THCS Bái Tử Long
87	89244	NGUYỄN TUỆ LÂM	19/10/2010	Hạ Long, Quảng Ninh	Kinh	Nữ	8A6	GDCD	12,75	Ba	THCS Trọng Điểm
88	89245	ĐINH PHẠM TRÚC LINH	14/12/2010	Hạ Long, Quảng Ninh	Kinh	Nữ	8A5	GDCD	12,25	K. Khích	THCS Chu Văn An
89	89247	NGUYỄN PHƯƠNG LINH	25/6/2010	Cầm Phả, Quảng Ninh	Kinh	Nữ	8A3	GDCD	13,25	Ba	THCS Chu Văn An
90	89250	TĂNG BẢO NGỌC	27/7/2010	Hạ Long, Quảng Ninh	Kinh	Nữ	8A3	GDCD	14,00	Nhì	THCS Chu Văn An
91	89251	VŨ ÁNH NGỌC	28/01/2010	Cầm Phả, Quảng Ninh	Kinh	Nữ	8A1	GDCD	15,50	Nhất	THCS Ngô Quyền
92	89252	NGÔ MAI PHƯƠNG	01/11/2011	Cầm Phả, Quảng Ninh	Kinh	Nữ	7A3	GDCD	12,25	K. Khích	THCS Chu Văn An
93	89253	NGUYỄN DẠ THẢO	24/9/2010	Cầm Phả, Quảng Ninh	Kinh	Nữ	8A3	GDCD	12,25	K. Khích	THCS Chu Văn An
94	89254	NGUYỄN MINH THÙY	10/02/2010	Cầm Phả, Quảng Ninh	Kinh	Nữ	8A2	GDCD	11,75	K. Khích	THCS Cầm Thịnh
95	89256	HOÀNG MINH THU	15/8/2010	Hạ Long, Quảng Ninh	Kinh	Nữ	8A2	GDCD	11,50	K. Khích	THCS Cầm Thịnh

Đơn vị: 90-Phòng GDĐT Hạ Long (A)

TT	Số báo danh	Họ tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Dân tộc	Giới tính	Lớp	Môn thi	Điểm	Giải	Trường THCS
1	90001	HOÀNG MINH ANH	08/11/2009	Hạ Long, Quảng Ninh	Kinh	Nữ	9	Toán	14,25	Ba	THCS Trọng Điểm
2	90002	NGUYỄN MINH ANH	31/3/2009	Ba Đình, Hà Nội	Kinh	Nữ	9	Toán	11,50	K. Khích	THCS Bãi Cháy
3	90007	NGUYỄN BÁ CƯỜNG	20/5/2009	Hạ Long, Quảng Ninh	Kinh	Nam	9	Toán	12,50	Ba	THCS Trọng Điểm
4	90008	ĐỖ ĐẠI DŨNG	20/7/2009	Hạ Long - Quảng Ninh	Kinh	Nam	9	Toán	13,25	Ba	THCS Trần Quốc Toàn
5	90010	PHẠM MINH ĐỨC	29/12/2009	Hạ Long - Quảng Ninh	Kinh	Nam	9	Toán	15,50	Nhì	THCS Trần Quốc Toàn
6	90011	TRẦN TRỌNG ĐỨC	12/5/2009	Hạ Long, Quảng Ninh	Kinh	Nam	9	Toán	15,25	Nhì	THCS Trọng Điểm
7	90012	KHÚC MẠNH HẢI	12/11/2009	Hạ Long, Quảng Ninh	Kinh	Nam	9	Toán	12,00	K. Khích	THCS Trọng Điểm
8	90013	NGUYỄN MINH HIẾU	26/11/2009	Hạ Long - Quảng Ninh	Kinh	Nam	9	Toán	10,50	K. Khích	THCS Trần Quốc Toàn
9	90014	TRẦN MINH HOÀNG	13/01/2009	Hạ Long - Quảng Ninh	Kinh	Nam	9	Toán	13,25	Ba	THCS Trần Quốc Toàn
10	90016	NGUYỄN KIM HUY	06/6/2009	Kinh Môn, Hải Dương	Kinh	Nam	9	Toán	10,50	K. Khích	THCS Trọng Điểm
11	90020	PHẠM GIA KHANG	10/5/2009	Hạ Long, Quảng Ninh	Kinh	Nam	9	Toán	10,25	K. Khích	THCS Lê Văn Tám
12	90022	NGUYỄN ĐỨC KIÊN	15/01/2009	Hạ Long - Quảng Ninh	Kinh	Nam	9	Toán	11,75	K. Khích	THCS Trần Quốc Toàn
13	90023	NGUYỄN MINH KỶ	16/6/2009	Hạ Long - Quảng Ninh	Kinh	Nam	9	Toán	10,50	K. Khích	THCS Trần Quốc Toàn
14	90025	PHẠM MAI HẢI LONG	01/02/2009	Hạ Long - Quảng Ninh	Kinh	Nam	9	Toán	12,25	Ba	THCS Trần Quốc Toàn
15	90030	LƯƠNG QUANG THẮNG	20/01/2009	Hạ Long, Quảng Ninh	Kinh	Nam	9	Toán	17,25	Nhì	THCS Trọng Điểm
16	90039	LÊ ĐÌNH KHANG ANH	12/12/2009	Hạ Long, Quảng Ninh	Kinh	Nam	9	Vật lí	17,00	Ba	THCS Trọng Điểm
17	90042	TRẦN DUY THẾ ANH	09/02/2009	Hạ Long, Quảng Ninh	Kinh	Nam	9	Vật lí	14,75	K. Khích	THCS Trọng Điểm
18	90043	TRẦN GIA BẢO	22/02/2009	Hạ Long, Quảng Ninh	Kinh	Nam	9	Vật lí	19,75	Nhất	THCS Trọng Điểm
19	90045	LÂM AN BÌNH	14/01/2009	Hạ Long, Quảng Ninh	Kinh	Nữ	9	Vật lí	17,25	Ba	THCS Trọng Điểm
20	90048	BÙI TIẾN ĐẠT	17/02/2009	Hạ Long, Quảng Ninh	Kinh	Nam	9	Vật lí	18,75	Nhì	THCS Trọng Điểm
21	90049	LÊ QUỐC ĐẠT	15/01/2009	Bệnh viện Phụ sản Trung Ương	Kinh	Nam	9	Vật lí	17,25	Ba	THCS Trọng Điểm
22	90050	LÊ HẢI ĐĂNG	26/8/2009	Uông Bí, Quảng Ninh	Kinh	Nam	9	Vật lí	15,25	K. Khích	TH-THCS-THPT Đoàn Thị Điểm Hạ Long
23	90051	LÊ ANH ĐỨC	26/11/2009	Hạ Long, Quảng Ninh	Kinh	Nam	9	Vật lí	14,00	K. Khích	THCS Trọng Điểm
24	90053	MAI QUANG KHÁNH	13/01/2009	Hạ Long, Quảng Ninh	Kinh	Nam	9	Vật lí	18,50	Nhì	THCS Trọng Điểm
25	90054	PHẠM MINH KHÁNH	05/3/2009	Hạ Long, Quảng Ninh	Kinh	Nam	9	Vật lí	14,25	K. Khích	THCS Trọng Điểm
26	90055	TRẦN ANH KHOA	28/8/2009	Phù Cừ - Hưng Yên	Kinh	Nam	9	Vật lí	15,25	K. Khích	THCS Trần Quốc Toàn
27	90056	ĐẶNG QUYÊN LÂM	22/12/2009	Bệnh viện Nam Thăng Long Hà Nội	Kinh	Nam	9	Vật lí	14,75	K. Khích	THCS Trọng Điểm
28	90057	ĐỖ TUẤN LÂM	14/3/2010	Hạ Long, Quảng Ninh	Kinh	Nam	8	Vật lí	15,25	K. Khích	THCS Trọng Điểm
29	90058	ĐỖ TÙNG LÂM	14/3/2010	Hạ Long, Quảng Ninh	Kinh	Nam	8	Vật lí	16,25	Ba	THCS Trọng Điểm
30	90059	NGUYỄN THANH LÂM	12/6/2009	Hạ Long - Quảng Ninh	Kinh	Nam	9	Vật lí	18,00	Nhì	THCS Trần Quốc Toàn
31	90060	PHẠM MINH HOÀNG NAM	19/9/2009	Uông Bí, Quảng Ninh	Kinh	Nam	9	Vật lí	16,00	Ba	THCS Hồng Hải
32	90064	TRẦN ĐẠI PHÁT	12/7/2009	Mỹ Hào, Hưng Yên	Kinh	Nam	9	Vật lí	15,00	K. Khích	THCS Lê Văn Tám
33	90065	PHAN MINH PHƯƠNG	08/11/2009	Bệnh viện Phụ sản Hải Phòng	Kinh	Nữ	9	Vật lí	18,25	Nhì	THCS Trọng Điểm
34	90067	LÊ QUANG THUẬN	16/10/2009	Hạ Long - Quảng Ninh	Kinh	Nam	9	Vật lí	17,00	Ba	THCS Trần Quốc Toàn
35	90070	ĐOÀN NGỌC MAI ANH	12/4/2010	Uông Bí, Quảng Ninh	Kinh	Nữ	8	Hóa học	17,00	Ba	THCS Hồng Hải

TT	Số báo danh	Họ tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Dân tộc	Giới tính	Lớp	Môn thi	Điểm	Giải	Trường THCS
36	90072	TRẦN QUỲNH ANH	20/6/2009	Uông Bí, Quảng Ninh	Kinh	Nữ	9	Hóa học	12,75	K. Khích	THCS Trọng Điểm
37	90073	TRƯƠNG HUY TUẤN ANH	13/12/2009	Bãi Cháy, Quảng Ninh	Kinh	Nam	9	Hóa học	17,75	Nhì	THCS Hồng Hải
38	90074	TRẦN ĐỨC DUY	20/5/2009	Hạ Long, Quảng Ninh	Kinh	Nam	9	Hóa học	13,75	K. Khích	THCS Trọng Điểm
39	90075	NGÔ MINH ĐĂNG	14/6/2009	Hạ Long, Quảng Ninh	Kinh	Nam	9	Hóa học	13,75	K. Khích	THCS Việt Hưng
40	90078	TRINH GIA HUY	13/01/2009	Hạ Long, Quảng Ninh	Kinh	Nam	9	Hóa học	14,50	K. Khích	THCS Cao Thắng
41	90080	NGÔ DUY HUNG	21/8/2009	Hạ Long - Quảng Ninh	Kinh	Nam	9	Hóa học	15,00	Ba	THCS Trần Quốc Toàn
42	90081	VŨ THI MAI HƯƠNG	30/11/2009	Uông Bí, Quảng Ninh	Kinh	Nữ	9	Hóa học	15,25	Ba	THCS Hồng Hải
43	90082	BÙI ANH KHÔI	20/10/2009	Hạ Long - Quảng Ninh	Kinh	Nam	9	Hóa học	16,75	Ba	THCS Trần Quốc Toàn
44	90083	BÙI PHƯƠNG LINH	21/01/2009	Uông Bí, Quảng Ninh	Kinh	Nữ	9	Hóa học	14,50	K. Khích	THCS Trọng Điểm
45	90084	DƯƠNG KHÁNH LINH	27/01/2009	Uông Bí, Quảng Ninh	Kinh	Nữ	9	Hóa học	16,00	Ba	THCS Trọng Điểm
46	90086	NGUYỄN PHƯƠNG LINH	15/01/2009	Uông Bí, Quảng Ninh	Kinh	Nữ	9	Hóa học	14,50	K. Khích	THCS Trọng Điểm
47	90087	ĐOÀN BUI ĐỨC LONG	09/3/2009	Hạ Long, Quảng Ninh	Kinh	Nam	9	Hóa học	14,50	K. Khích	THCS Bãi Cháy
48	90088	CAO PHAN BÁ MINH	01/01/2010	Uông Bí, Quảng Ninh	Kinh	Nam	8	Hóa học	19,25	Nhất	THCS Trọng Điểm
49	90090	LÊ QUANG MINH	25/10/2009	Uông Bí, Quảng Ninh	Kinh	Nam	9	Hóa học	14,25	K. Khích	THCS Trọng Điểm
50	90091	ĐINH ĐỨC NAM	12/6/2009	Hạ Long, Quảng Ninh	Kinh	Nam	9	Hóa học	13,75	K. Khích	THCS Trọng Điểm
51	90093	TRẦN BÍCH NGỌC	18/01/2009	Hạ Long - Quảng Ninh	Kinh	Nữ	9	Hóa học	13,50	K. Khích	THCS Trần Quốc Toàn
52	90095	NGUYỄN NGỌC PHƯƠNG	29/9/2009	Hạ Long, Quảng Ninh	Kinh	Nữ	9	Hóa học	12,75	K. Khích	THCS Bãi Cháy
53	90096	TRẦN MINH QUÂN	29/11/2009	Giao Thủy, Nam Định	Kinh	Nam	9	Hóa học	19,00	Nhì	TH&THCS Hà Trung
54	90097	BÙI MINH QUÝ	12/12/2009	Uông Bí, Quảng Ninh	Kinh	Nam	9	Hóa học	15,75	Ba	THCS Nguyễn Trãi
55	90098	TRẦN HÀ THÀNH	21/01/2009	Hoành Bồ, Quảng Ninh	Kinh	Nam	9	Hóa học	13,00	K. Khích	THCS Việt Hưng
56	90099	NGUYỄN QUANG THÁI	10/01/2009	Hạ Long, Quảng Ninh	Kinh	Nam	9	Hóa học	16,25	Ba	THCS Bãi Cháy
57	90102	HOÀNG ANH TUẤN	07/3/2009	Hạ Long, Quảng Ninh	Kinh	Nam	9	Hóa học	15,75	Ba	THCS Trọng Điểm
58	90103	BÙI THANH TÚ	17/7/2009	Hạ Long, Quảng Ninh	Kinh	Nữ	9	Hóa học	18,75	Nhì	THCS Trọng Điểm
59	90107	NGUYỄN NGUYỄN ANH	21/01/2009	Hạ Long, Quảng Ninh	Kinh	Nam	9	Sinh học	13,25	K. Khích	THCS Hồng Hải
60	90110	NGUYỄN THẢO CHI	01/8/2009	Hạ Long, Quảng Ninh	Kinh	Nữ	9	Sinh học	15,25	Ba	THCS Lê Văn Tám
61	90112	TRẦN HOÀNG ĐẠT	19/4/2009	Hạ Long, Quảng Ninh	Kinh	Nam	9	Sinh học	15,50	Ba	THCS Việt Hưng
62	90115	NGUYỄN NGỌC HÀ	13/5/2009	Hạ Long, Quảng Ninh	Kinh	Nữ	9	Sinh học	16,00	Nhì	THCS Trọng Điểm
63	90117	PHẠM QUANG HUY	16/11/2009	Vũ Thư, Thái Bình	Kinh	Nam	9	Sinh học	13,50	K. Khích	THCS Lý Tự Trọng
64	90118	TRẦN KHÁNH HUYỀN	01/8/2009	Hạ Long, Quảng Ninh	Kinh	Nữ	9	Sinh học	14,75	Ba	THCS Lý Tự Trọng
65	90119	NGUYỄN QUỲNH HƯƠNG	14/01/2009	Hạ Long, Quảng Ninh	Kinh	Nữ	9	Sinh học	14,50	K. Khích	THCS Trọng Điểm
66	90120	LÊ HÀ LINH	04/8/2009	Hạ Long, Quảng Ninh	Kinh	Nữ	9	Sinh học	15,00	Ba	THCS Trọng Điểm
67	90121	NGUYỄN THÙY LINH	26/8/2009	Hạ Long - Quảng Ninh	Kinh	Nữ	9	Sinh học	14,00	K. Khích	THCS Trới
68	90130	PHẠM KHÁNH NGUYỄN	05/3/2010	Hạ Long, Quảng Ninh	Kinh	Nam	8	Sinh học	13,50	K. Khích	THCS Lý Tự Trọng
69	90134	CHU PHƯƠNG TRANG	11/01/2009	Hạ Long, Quảng Ninh	Kinh	Nữ	9A4	Sinh học	14,25	K. Khích	THCS Kim Đồng
70	90135	VŨ THÀNH TRUNG	02/11/2009	Hạ Long, Quảng Ninh	Kinh	Nam	9	Sinh học	15,50	Ba	THCS Trọng Điểm
71	90136	VŨ THẾ TRUNG	16/5/2009	Tiên Yên, Quảng Ninh	Kinh	Nam	9	Sinh học	14,00	K. Khích	THCS Việt Hưng
72	90137	NGUYỄN HUY VŨ	10/12/2009	Hạ Long, Quảng Ninh	Kinh	Nam	9	Sinh học	14,00	K. Khích	THCS Bãi Cháy
73	90138	HOÀNG HOA LÊ VY	29/10/2009	Nghi Xuân, Hà Tĩnh	Kinh	Nữ	9A5	Sinh học	14,75	Ba	THCS Kim Đồng
74	90148	ĐỖ HOÀNG DŨNG	02/11/2010	Hạ Long, Quảng Ninh	Kinh	Nam	8	Tin học	9,90	K. Khích	THCS Lý Tự Trọng
75	90149	HÀ THẾ DŨNG	04/3/2010	Hoành Bồ - Quảng Ninh	Kinh	Nam	8	Tin học	12,90	Ba	THCS Trới
76	90153	NGÔ TRUNG HẢI	27/8/2010	Hạ Long, Quảng Ninh	Kinh	Nam	8	Tin học	8,25	K. Khích	THCS Lý Tự Trọng

TT	Số báo danh	Họ tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Dân tộc	Giới tính	Lớp	Môn thi	Điểm	Giải	Trường THCS
77	90154	LÊ PHÚC HÙNG	23/11/2009	Hạ Long, Quảng Ninh	Kinh	Nam	9	Tin học	11,45	Ba	THCS Trọng Điểm
78	90155	TRẦN DUY HÙNG	11/5/2010	Hạ Long, Quảng Ninh	Kinh	Nam	8	Tin học	10,90	Ba	THCS Bãi Cháy
79	90156	VŨ MẠNH HÙNG	23/5/2009	Hạ Long, Quảng Ninh	Kinh	Nam	9	Tin học	10,90	Ba	THCS Trọng Điểm
80	90157	VŨ KHẮC TUẤN KHANG	07/01/2010	Thái Thụy, Thái Bình	Kinh	Nam	8	Tin học	8,85	K. Khích	THCS Lý Tự Trọng
81	90159	NGUYỄN XUÂN LÂM	26/9/2010	Uông Bí - Quảng Ninh	Kinh	Nam	8	Tin học	10,35	K. Khích	THCS Trần Quốc Toàn
82	90160	TRẦN PHÚ LÂM	17/12/2009	Hạ Long - Quảng Ninh	Kinh	Nam	9	Tin học	10,82	Ba	THCS Trần Quốc Toàn
83	90161	PHẠM MẠNH LÂN	15/10/2010	Hạ Long, Quảng Ninh	Kinh	Nam	8	Tin học	10,65	Ba	THCS Bãi Cháy
84	90162	LÊ ĐỨC MẠNH	12/6/2009	Lâm Thao, Phú Thọ	Kinh	Nam	9	Tin học	8,85	K. Khích	THCS Lê Văn Tám
85	90163	NGUYỄN ĐỨC MINH	06/5/2009	Bà Đình, Hà Nội	Kinh	Nam	9	Tin học	10,65	Ba	TH-THCS-THPT Đoàn Thị Điểm Hạ Long
86	90166	BÙI HOÀNG NAM	17/6/2009	Uông Bí, Quảng Ninh	Kinh	Nam	9	Tin học	14,55	Nhì	TH-THCS-THPT Đoàn Thị Điểm Hạ Long
87	90167	HOÀNG BÁ NAM	24/12/2009	Hạ Long - Quảng Ninh	Kinh	Nam	9	Tin học	13,93	Nhì	THCS Trần Quốc Toàn
88	90170	PHẠM HẢI NHƯ	21/12/2010	Hạ Long, Quảng Ninh	Kinh	Nữ	8	Tin học	12,49	Ba	THCS Trọng Điểm
89	90174	TRẦN TUẤN TÚ	12/4/2009	Hạ Long, Quảng Ninh	Kinh	Nam	9	Tin học	14,55	Nhì	THCS Lê Văn Tám
90	90175	ĐOÀN TIẾN VIỆT	20/01/2010	Uông Bí, Quảng Ninh	Kinh	Nam	8	Tin học	10,05	K. Khích	THCS Trọng Điểm
91	90176	NGUYỄN THẾ VINH	13/02/2009	Hạ Long, Quảng Ninh	Kinh	Nam	9	Tin học	13,40	Ba	TH-THCS-THPT Đoàn Thị Điểm Hạ Long
92	90177	NGUYỄN THÁI AN	24/10/2009	Hạ Long, Quảng Ninh	Kinh	Nữ	9	Ngữ văn	13,75	Ba	THCS Lý Tự Trọng
93	90179	ĐƯƠNG NGỌC LAN ANH	18/6/2009	Hạ Long, Quảng Ninh	Kinh	Nữ	9	Ngữ văn	15,25	Nhì	THCS Lý Tự Trọng
94	90181	PHẠM HẢI ANH	05/8/2009	Hạ Long, Quảng Ninh	Kinh	Nữ	9	Ngữ văn	14,00	Ba	THCS Lê Văn Tám
95	90186	VŨ NGỌC DIỆP	27/11/2009	Bình Giang, Hải Dương	Kinh	Nữ	9	Ngữ văn	13,50	Ba	THCS Lý Tự Trọng
96	90188	HOÀNG ÁNH DƯƠNG	05/01/2009	Uông Bí, Quảng Ninh	Kinh	Nữ	9	Ngữ văn	15,50	Nhì	THCS Lê Văn Tám
97	90189	NGÔ THỦY DƯƠNG	23/01/2009	Hạ Long, Quảng Ninh	Kinh	Nữ	9	Ngữ văn	14,25	Ba	THCS Nguyễn Văn Thuộc
98	90190	TRẦN MAI HÀ	24/6/2010	Hoành Bồ - Quảng Ninh	Kinh	Nữ	8	Ngữ văn	16,00	Nhì	THCS Trới
99	90193	NGUYỄN THU HƯỜNG	23/12/2009	Hạ Long, Quảng Ninh	Kinh	Nữ	9	Ngữ văn	14,00	Ba	THCS Cao Thắng
100	90197	TRẦN HÀ MY	19/12/2009	Hạ Long, Quảng Ninh	Kinh	Nữ	9	Ngữ văn	13,00	K. Khích	THCS Trới
101	90198	PHẠM KHÁNH NGÂN	02/01/2009	Hạ Long, Quảng Ninh	Kinh	Nữ	9	Ngữ văn	12,50	K. Khích	THCS Bãi Cháy
102	90199	TẠ MINH NGỌC	01/10/2009	Hạ Long, Quảng Ninh	Kinh	Nữ	9	Ngữ văn	16,50	Nhất	THCS Trọng Điểm
103	90200	TRẦN THỊ LINH NGỌC	30/3/2009	Hạ Long, Quảng Ninh	Kinh	Nữ	9	Ngữ văn	12,50	K. Khích	THCS Trọng Điểm
104	90201	NGUYỄN GIA NHI	06/8/2009	Hạ Long, Quảng Ninh	Kinh	Nữ	9	Ngữ văn	13,75	Ba	THCS Bãi Cháy
105	90202	PHẠM HỒNG NHUNG	20/7/2009	Hạ Long, Quảng Ninh	Kinh	Nữ	9	Ngữ văn	12,75	K. Khích	THCS Lý Tự Trọng
106	90203	NGUYỄN PHẠM NHẬT NINH	10/12/2009	Giếng Đáy - Quảng Ninh	Kinh	Nữ	9	Ngữ văn	15,00	Nhì	THCS Trới
107	90204	HOÀNG MAI PHƯƠNG	16/10/2009	Hạ Long, Quảng Ninh	Kinh	Nữ	9	Ngữ văn	13,00	K. Khích	THCS Bãi Cháy
108	90205	NGUYỄN THANH TÂM	26/4/2010	Hạ Long, Quảng Ninh	Kinh	Nữ	8	Ngữ văn	13,00	K. Khích	THCS Lý Tự Trọng
109	90206	MAI PHƯƠNG THẢO	07/10/2009	Hạ Long, Quảng Ninh	Kinh	Nữ	9	Ngữ văn	14,25	Ba	TH, THCS và THPT Văn Lang
110	90207	NGUYỄN THỊ THẢO	30/10/2009	Hoành Bồ - Quảng Ninh	Kinh	Nữ	9	Ngữ văn	14,00	Ba	THCS Trới
111	90208	TRẦN THU THẢO	29/8/2009	Hạ Long, Quảng Ninh	Kinh	Nữ	9	Ngữ văn	14,50	Ba	TH, THCS và THPT Lê Thánh Tông
112	90210	PHẠM THỊ MINH THU	27/08/2009	Hạ Long, Quảng Ninh	Kinh	Nữ	9	Ngữ văn	13,50	Ba	THCS Trọng Điểm
113	90211	NGUYỄN TƯỜNG VY	28/4/2009	Kinh Môn - Hải Dương	Kinh	Nữ	9	Ngữ văn	13,25	Ba	TH&THCS Hùng Thắng
114	90217	NGUYỄN NGỌC ÁNH	04/11/2009	Bệnh viện Phụ sản Trung Ương	Kinh	Nữ	9	Lịch sử	12,75	K. Khích	THCS Trọng Điểm
115	90218	TẠ MINH CHÂU	12/01/2010	Hạ Long - Quảng Ninh	Sán diu	Nữ	8A1	Lịch sử	13,25	K. Khích	TH&THCS Minh Khai
116	90223	BÙI HƯƠNG GIANG	10/8/2009	Quảng Ninh	Kinh	Nữ	9	Lịch sử	14,50	Ba	THCS Trọng Điểm
117	90227	VŨ THÀNH HÙNG	15/11/2009	Hạ Long, Quảng Ninh	Kinh	Nam	9	Lịch sử	13,50	K. Khích	THCS Trọng Điểm

TT	Số báo danh	Họ tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Dân tộc	Giới tính	Lớp	Môn thi	Điểm	Giải	Trường THCS
118	90228	ĐẶNG NGỌC KHÁNH	01/9/2010	Hạ Long - Quảng Ninh	Kinh	Nữ	8A2	Lịch sử	13,50	K. Khích	TH&THCS Minh Khai
119	90229	MAC DIỆU LINH	14/12/2010	Hạ Long - Quảng Ninh	Kinh	Nữ	8A1	Lịch sử	13,50	K. Khích	TH&THCS Minh Khai
120	90238	NGUYỄN BÙI THẢO	29/4/2009	Uông Bí - Quảng Ninh	Kinh	Nữ	9	Lịch sử	15,50	Nhì	THCS Lý Tự Trọng
121	90239	NINH YẾN	20/02/2009	Hạ Long, Quảng Ninh	Kinh	Nữ	9	Lịch sử	13,25	K. Khích	THCS Nguyễn Văn Thuộc
122	90240	VŨ HÀ	31/7/2009	Hạ Long, Quảng Ninh	Kinh	Nữ	9	Lịch sử	14,00	Ba	THCS Lê Văn Tám
123	90242	TRƯƠNG NHƯ QUỲNH	13/7/2010	Hạ Long - Quảng Ninh	Sán diu	Nữ	8A2	Lịch sử	14,25	Ba	TH&THCS Minh Khai
124	90245	ĐỖ ANH THƯ	29/4/2010	Hạ Long, Quảng Ninh	Kinh	Nữ	8	Lịch sử	13,75	K. Khích	THCS Lý Tự Trọng
125	90248	PHẠM THỊ HƯƠNG TRÀ	12/3/2009	Hạ Long, Quảng Ninh	Kinh	Nữ	9	Lịch sử	13,75	K. Khích	TH&THCS Hà Trung
126	90267	LÊ NGỌC ANH	26/11/2009	Hạ Long, Quảng Ninh	Kinh	Nữ	9	Địa lí	14,00	Ba	THCS Cao Thắng
127	90269	TRẦN HÀ ANH	05/12/2009	Hạ Long, Quảng Ninh	Kinh	Nữ	9	Địa lí	11,75	K. Khích	THCS Bãi Cháy
128	90275	HOÀNG THỊ THU HOÀ	19/10/2009	Hạ Long, Quảng Ninh	Kinh	Nữ	9	Địa lí	15,00	Nhì	THCS Bãi Cháy
129	90278	NGUYỄN HIỀN LƯƠNG	29/01/2009	Hạ Long, Quảng Ninh	Kinh	Nữ	9	Địa lí	11,75	K. Khích	THCS Cao Thắng
130	90282	LÊ VŨ TRÀ MY	15/5/2009	Hạ Long, Quảng Ninh	Kinh	Nữ	9	Địa lí	14,50	Ba	THCS Bãi Cháy
131	90285	LÊ KHÁNH NGỌC	05/10/2009	Hạ Long, Quảng Ninh	Kinh	Nữ	9	Địa lí	13,00	Ba	THCS Cao Thắng
132	90288	TRẦN THẢO PHƯƠNG	02/7/2009	Hạ Long, Quảng Ninh	Kinh	Nữ	9	Địa lí	13,25	Ba	THCS Cao Thắng
133	90291	CAO TÂM THANH	30/7/2010	Uông Bí, Quảng Ninh	Kinh	Nữ	8	Địa lí	13,00	Ba	THCS Lý Tự Trọng
134	90292	NGUYỄN THỊ HÀ THANH	13/01/2009	Hạ Long - Quảng Ninh	Kinh	Nữ	9A1	Địa lí	11,75	K. Khích	TH&THCS Minh Khai
135	90293	LÊ NGUYỄN PHƯƠNG THẢO	04/7/2009	Hạ Long, Quảng Ninh	Kinh	Nữ	9	Địa lí	14,75	Ba	THCS Trọng Điểm
136	90294	BÙI MINH THƯ	07/7/2009	Hạ Long, Quảng Ninh	Kinh	Nữ	9	Địa lí	12,50	K. Khích	THCS Bãi Cháy
137	90295	LAM THỊ ANH THƯ	17/9/2009	Hạ Long - Quảng Ninh	Sán diu	Nữ	9A4	Địa lí	14,50	Ba	TH&THCS Minh Khai
138	90297	NGUYỄN HUYỀN TRANG	02/5/2009	Hạ Long, Quảng Ninh	Kinh	Nữ	9	Địa lí	14,00	Ba	THCS Bãi Cháy
139	90298	VŨ ĐỨC HIỀN TRÂN	18/4/2009	Hạ Long, Quảng Ninh	Kinh	Nữ	9	Địa lí	15,50	Nhì	THCS Trọng Điểm
140	90299	TRẦN MINH TUẤN	06/5/2009	Hạ Long, Quảng Ninh	Kinh	Nam	9	Địa lí	13,50	Ba	THCS Trọng Điểm
141	90318	PHẠM ĐỨC AN	05/7/2009	Hạ Long- Quảng Ninh	Kinh	Nam	9	Tiếng Anh	15,50	Nhì	THCS Trọng Điểm
142	90319	HOÀNG HIỀN ANH	05/3/2009	Uông Bí, Quảng Ninh	Kinh	Nữ	9	Tiếng Anh	12,40	K. Khích	THCS Trọng Điểm
143	90320	NGUYỄN THỊ NGỌC ANH	16/3/2009	Hạ Long - Quảng Ninh	Kinh	Nữ	9	Tiếng Anh	14,30	Ba	THCS Trần Quốc Toàn
144	90322	PHẠM QUỲNH ANH	19/7/2010	Hạ Long - Quảng Ninh	Kinh	Nữ	8	Tiếng Anh	12,90	K. Khích	THCS Trần Quốc Toàn
145	90324	NGÔ GIA BẢO	25/02/2009	Hạ Long, Quảng Ninh	Kinh	Nam	9	Tiếng Anh	15,00	Nhì	THCS Trọng Điểm
146	90325	HOÀNG HÀ CHI	14/4/2009	Hạ Long, Quảng Ninh	Kinh	Nữ	9	Tiếng Anh	15,20	Nhì	THCS Trọng Điểm
147	90326	HÀ VIỆT CƯỜNG	13/7/2010	Uông Bí, Quảng Ninh	Kinh	Nam	8	Tiếng Anh	15,50	Nhì	THCS Trọng Điểm
148	90328	VĂN TIẾN ĐẠT	22/6/2009	Hạ Long - Quảng Ninh	Kinh	Nam	9	Tiếng Anh	12,70	K. Khích	THCS Trần Quốc Toàn
149	90329	HOÀNG TRỌNG ĐỨC	14/10/2010	Uông Bí - Quảng Ninh	Kinh	Nam	8	Tiếng Anh	13,00	Ba	THCS Trần Quốc Toàn
150	90330	NGUYỄN NGÂN HÀ	12/02/2009	Uông Bí, Quảng Ninh	Kinh	Nữ	9	Tiếng Anh	12,70	K. Khích	THCS Trọng Điểm
151	90331	PHAN ĐÀO MINH HẢI	20/01/2010	Hạ Long, Quảng Ninh	Kinh	Nam	8	Tiếng Anh	12,70	K. Khích	TH, THCS và THPT Văn Lang
152	90332	NGUYỄN MINH HOÀNG	26/4/2009	Hạ Long, Quảng Ninh	Kinh	Nam	9	Tiếng Anh	15,50	Nhì	THCS Bãi Cháy
153	90333	NGUYỄN TRẦN CÔNG HUY	16/12/2009	Hạ Long, Quảng Ninh	Kinh	Nam	9	Tiếng Anh	14,90	Nhì	THCS Bãi Cháy
154	90335	NGUYỄN TÙNG LÂM	13/02/2009	Hạ Long, Quảng Ninh	Kinh	Nữ	9	Tiếng Anh	14,10	Ba	THCS Cao Thắng
155	90340	NGUYỄN HOÀNG MAI	20/5/2009	TP Hải Dương, Hải Dương	Kinh	Nữ	9	Tiếng Anh	13,00	Ba	THCS Bãi Cháy
156	90341	NGÔ QUANG MINH	23/4/2009	Hạ Long, Quảng Ninh	Kinh	Nam	9	Tiếng Anh	14,30	Ba	THCS Trọng Điểm
157	90342	NGUYỄN HOÀNG MINH	17/5/2009	Hạ Long, Quảng Ninh	Kinh	Nam	9	Tiếng Anh	16,00	Nhất	THCS Trọng Điểm
158	90344	BÙI HÀ MY	08/04/2009	Hạ Long, Quảng Ninh	Kinh	Nữ	9A2	Tiếng Anh	13,70	Ba	THCS Kim Đồng

TT	Số báo danh	Họ tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Dân tộc	Giới tính	Lớp	Môn thi	Điểm	Giải	Trường THCS
159	90346	HOÀNG ĐÌNH NHÂN	01/01/2009	Hạ Long, Quảng Ninh	Kinh	Nam	9	Tiếng Anh	15,30	Nhì	THCS Trọng Điểm
160	90347	NGUYỄN MẠNH QUÂN	06/06/2009	Hạ Long, Quảng Ninh	Kinh	Nam	9A5	Tiếng Anh	12,30	K. Khích	THCS Kim Đồng
161	90348	VŨ THỊ MINH TÂM	30/4/2009	Hạ Long, Quảng Ninh	Kinh	Nữ	9	Tiếng Anh	12,00	K. Khích	THCS Trọng Điểm
162	90349	HOÀNG XUÂN THANH	29/04/2009	Hạ Long, Quảng Ninh	Kinh	Nam	9A2	Tiếng Anh	12,20	K. Khích	THCS Kim Đồng
163	90350	VŨ XUÂN TRƯỞNG	08/7/2009	Hạ Long, Quảng Ninh	Kinh	Nam	9	Tiếng Anh	14,00	Ba	TH, THCS&THPT Quốc tế Song ngữ Học viện Anh Quốc UK Academy
164	90352	TRƯƠNG ANH TÙNG	28/9/2009	Hạ Long, Quảng Ninh	Kinh	Nam	9	Tiếng Anh	13,80	Ba	THCS Trọng Điểm
165	90358	HOÀNG MINH ANH	14/7/2009	Hạ Long, Quảng Ninh	Kinh	Nữ	9	Tiếng Pháp	17,70	Nhì	THPT Hòn Gai
166	90359	NGUYỄN HÀ ANH	30/9/2009	Hạ Long, Quảng Ninh	Kinh	Nữ	9	Tiếng Pháp	14,90	K. Khích	THPT Hòn Gai
167	90360	PHẠM NGUYỆT ANH	29/8/2009	Hạ Long, Quảng Ninh	Kinh	Nữ	9	Tiếng Pháp	16,45	Ba	THPT Hòn Gai
168	90363	ĐOÀN VIỆT HÀ CHI	18/12/2009	Hạ Long, Quảng Ninh	Kinh	Nữ	9	Tiếng Pháp	15,80	Ba	THPT Hòn Gai
169	90364	NGUYỄN QUỲNH CHI	19/12/2009	Hạ Long, Quảng Ninh	Kinh	Nữ	9	Tiếng Pháp	16,20	Ba	THPT Hòn Gai
170	90365	TRINH QUANG DŨNG	04/4/2009	Hạ Long, Quảng Ninh	Kinh	Nam	9	Tiếng Pháp	17,65	Nhì	THPT Hòn Gai
171	90366	BÙI HOÀNG DƯƠNG	25/11/2009	Hạ Long, Quảng Ninh	Kinh	Nam	9	Tiếng Pháp	14,30	K. Khích	THPT Hòn Gai
172	90367	NGUYỄN THẾ BÌNH DƯƠNG	19/12/2009	Hạ Long, Quảng Ninh	Kinh	Nam	9	Tiếng Pháp	15,20	K. Khích	THPT Hòn Gai
173	90369	NGUYỄN VŨ ĐỨC	11/4/2009	Hạ Long, Quảng Ninh	Kinh	Nam	9	Tiếng Pháp	14,50	K. Khích	THPT Hòn Gai
174	90371	LÊ PHƯƠNG LINH	14/01/2009	Hạ Long, Quảng Ninh	Kinh	Nữ	9	Tiếng Pháp	18,00	Nhất	THPT Hòn Gai
175	90373	PHẠM LÊ HOÀNG LINH	27/01/2009	Hạ Long, Quảng Ninh	Kinh	Nữ	9	Tiếng Pháp	14,40	K. Khích	THPT Hòn Gai
176	90375	NGUYỄN HOÀNG KHÁNH NGỌC	31/3/2009	Đông Đa, Hà Nội	Kinh	Nữ	9	Tiếng Pháp	14,25	K. Khích	THPT Hòn Gai
177	90376	NGUYỄN HỒNG NGỌC	21/7/2009	Hạ Long, Quảng Ninh	Kinh	Nữ	9	Tiếng Pháp	17,15	Nhì	THPT Hòn Gai
178	90380	NGUYỄN TRUNG THÀNH	07/01/2009	Hạ Long, Quảng Ninh	Kinh	Nam	9	Tiếng Pháp	15,60	Ba	THPT Hòn Gai
179	90385	NGUYỄN HOÀNG KHÁNH VÂN	11-07-09	Hạ Long, Quảng Ninh	Kinh	Nữ	9	Tiếng Pháp	16,50	Ba	THPT Hòn Gai
180	90390	LÊ NGỌC KIỀU ANH	26/3/2009	Hạ Long, Quảng Ninh	Kinh	Nữ	9	Tiếng Trung Quốc	12,10	K. Khích	TH&THCS Bãi Cháy 2
181	90392	NGUYỄN HOÀI ANH	07/01/2009	Hạ Long - Quảng Ninh	Kinh	Nữ	9	Tiếng Trung Quốc	10,90	K. Khích	THCS Trần Quốc Toàn
182	90393	NGUYỄN MINH ANH	03/11/2009	Uông Bí, Quảng Ninh	Kinh	Nữ	9	Tiếng Trung Quốc	10,20	K. Khích	THCS Trọng Điểm
183	90396	NGỌC QUỲNH CHI	23/10/2009	Hạ Long, Quảng Ninh	Kinh	Nữ	9	Tiếng Trung Quốc	12,80	Ba	TH, THCS và THPT Văn Lang
184	90398	PHẠM QUỲNH CHI	31/8/2009	Hạ Long - Quảng Ninh	Kinh	Nữ	9	Tiếng Trung Quốc	11,60	K. Khích	THCS Trần Quốc Toàn
185	90401	LŨNG NGỌC HUYỀN	14/10/2010	Cầm Phá, Quảng Ninh	Kinh	Nữ	8	Tiếng Trung Quốc	11,80	K. Khích	TH, THCS và THPT Lê Thánh Tông
186	90405	ỨNG KHÁNH LINH	03/02/2009	Uông Bí, Quảng Ninh	Kinh	Nữ	9	Tiếng Trung Quốc	12,20	K. Khích	THCS Bãi Cháy
187	90411	CHU BẢO NHI	29/12/2010	Hạ Long, Quảng Ninh	Kinh	Nữ	8	Tiếng Trung Quốc	10,50	K. Khích	THCS Trọng Điểm
188	90420	MAI THÁI VƯƠNG	31/01/2009	Hạ Long - Quảng Ninh	Kinh	Nữ	9	Tiếng Trung Quốc	13,20	Ba	THCS Trần Quốc Toàn
189	90424	NGUYỄN PHẠM QUỲNH ANH	05/10/2010	Hạ Long, Quảng Ninh	Kinh	Nữ	8	GDCD	11,75	K. Khích	THCS Lý Tự Trọng
190	90433	NGUYỄN THANH HUYỀN	19/3/2009	Hạ Long - Quảng Ninh	Kinh	Nữ	9	GDCD	12,75	Ba	THCS Trới
191	90435	NGUYỄN TRƯƠNG THẢO NAM	21/4/2010	Bệnh viện Phụ sản Trung Ương	Kinh	Nữ	8	GDCD	12,75	Ba	THCS Trọng Điểm
192	90437	NGUYỄN THANH NGÀ	11/5/2010	Hạ Long, Quảng Ninh	Kinh	Nữ	8	GDCD	12,75	Ba	THCS Cao Thắng
193	90443	PHẠM NGỌC PHƯƠNG	02/01/2010	Hạ Long, Quảng Ninh	Kinh	Nữ	8	GDCD	11,50	K. Khích	THCS Đại Yên
194	90453	NGUYỄN TƯỜNG VY	14/10/2010	Hạ Long, Quảng Ninh	Kinh	Nữ	8	GDCD	11,75	K. Khích	TH,THCS&THPT Nguyễn Bình Khiêm

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO QUẢNG NINH
KỲ THI CHỌN HỌC SINH GIỎI CẤP TỈNH THCS

Khóa ngày 06/3/2024

DANH SÁCH HỌC SINH ĐOẠT GIẢI

(Kèm theo Quyết định số 283/QĐ-SGDĐT ngày 25 / 3 / 2024 của Sở GDĐT)

Đơn vị: 91-Phòng GDDT Hạ Long (B)

TT	Số báo danh	Họ tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Dân tộc	Giới tính	Lớp	Môn thi	Điểm	Giải	Trường THCS
1	90037	LÊ NGỌC QUẢNG	31/5/2009	Hoành Bồ, Quảng Ninh	Kinh	Nam	9	Toán	13,00	K. Khích	TH-THCS Thống Nhất
2	90140	NGUYỄN ĐỨC ĐẠT	13/02/2010	Hạ Long, Quảng Ninh	Kinh	Nam	8	Sinh học	14,75	Ba	THCS Lê Lợi
3	90142	NGUYỄN TIẾN HÙNG	20/12/2009	Hạ Long, Quảng Ninh	Kinh	Nam	9	Sinh học	14,00	K. Khích	TH-THCS Thống Nhất
4	90143	NGUYỄN THỊ KHÁNH LINH	05/12/2009	Hoành Bồ, Quảng Ninh	Kinh	Nữ	9	Sinh học	16,25	Nhì	THCS Lê Lợi
5	90144	NGÔ TUẤN LỤC	07/11/2009	Hạ Long, Quảng Ninh	Kinh	Nam	9	Sinh học	13,00	K. Khích	THCS& THPT Quảng La
6	90214	VŨ THỊ NGỌC THƯƠNG	08/5/2009	Hoành Bồ, Quảng Ninh	Kinh	Nữ	9	Ngữ văn	12,00	K. Khích	TH-THCS Thống Nhất
7	90250	NGUYỄN THỊ NGỌC HÀ	16/6/2010	Hạ Long, Quảng Ninh	Kinh	Nữ	8	Lịch sử	15,00	Ba	TH-THCS Thống Nhất
8	90252	LÝ THỊ HUYỀN LINH	18/6/2009	Hoành Bồ, Quảng Ninh	Dao	Nữ	9	Lịch sử	13,75	K. Khích	PTDTNT THCS&THPT tỉnh Quảng Ninh
9	90257	LÝ NGUYỄN THÁI SƠN	29/6/2009	Hạ Long, Quảng Ninh	Dao	Nam	9	Lịch sử	13,25	K. Khích	THCS& THPT Quảng La
10	90259	ĐẶNG THU THẢO	20/10/2009	Hoành Bồ, Quảng Ninh	Sán Dìu	Nữ	9	Lịch sử	13,75	K. Khích	TH&THCS Vũ Oai
11	90262	NGUYỄN THỊ ÁNH TUYẾT	15/6/2009	Hạ Long, Quảng Ninh	Kinh	Nữ	9	Lịch sử	14,25	Ba	THCS& THPT Quảng La
12	90263	VŨ KHÁNH VI	08/02/2009	Hạ Long, Quảng Ninh	Kinh	Nữ	9	Lịch sử	15,00	Ba	THCS& THPT Quảng La
13	90301	NGUYỄN QUỲNH ANH	28/5/2010	Bãi Cháy, Quảng Ninh	Kinh	Nữ	8	Địa lí	13,00	Ba	THCS& THPT Quảng La
14	90305	TRẦN YẾN GIANG	04/9/2010	Hạ Long, Quảng Ninh	Kinh	Nữ	8	Địa lí	11,25	K. Khích	THCS& THPT Quảng La
15	90306	ĐẶNG THỊ HẰNG	20/10/2009	Hạ Long, Quảng Ninh	Dao	Nữ	9	Địa lí	15,25	Nhất	TH&THCS Đồng Lâm 1
16	90307	ÔN THỊ THU HẰNG	13/10/2009	Thủy Nguyên-Hải Phòng	Sán Dìu	Nữ	9	Địa lí	14,25	Nhì	TH & THCS Núi Mẩn
17	90308	TRIỆU NGỌC HUYỀN	11/4/2009	Hạ Long, Quảng Ninh	Dao	Nữ	9	Địa lí	13,50	Nhì	TH&THCS Tân Dân
18	90309	NGUYỄN THỊ THANH HUYỀN	08/11/2011	Bãi Cháy, Quảng Ninh	Kinh	Nữ	7	Địa lí	12,25	Ba	TH&THCS Vũ Oai
19	90310	TRIỆU THỊ LIÊN	13/10/2009	Hạ Long, Quảng Ninh	Dao	Nữ	9	Địa lí	13,75	Nhì	TH&THCS Tân Dân
20	90311	LÊ NGỌC MAI	17/6/2009	Hoành Bồ, Quảng Ninh	Kinh	Nữ	9	Địa lí	11,25	K. Khích	THCS Lê Lợi
21	90313	TRẦN TRANG NHUNG	31/10/2009	Hoành Bồ, Quảng Ninh	Kinh	Nữ	9	Địa lí	13,00	Ba	THCS Lê Lợi
22	90455	HOÀNG NGUYỄN NGỌC HÀ	01/11/2010	Hoành Bồ, Quảng Ninh	Kinh	Nữ	8	GDCD	10,25	K. Khích	THCS Lê Lợi
23	90456	LINH THỊ HÀ	02/7/2009	Hạ Long-Quảng Ninh	Dao	Nữ	9a1	GDCD	10,50	K. Khích	TH&THCS Đồng Sơn
24	90459	TRẦN THỊ KIỀU LY	16/12/2010	Hoành Bồ - Quảng Ninh	Dao	Nữ	8	GDCD	10,00	K. Khích	TH&THCS Bằng Cả
25	90460	PHẠM THANH MINH	20/02/2009	Nông Cống, Thanh Hoá	Kinh	Nam	9	GDCD	10,50	K. Khích	THCS Lê Lợi
26	90465	TRƯƠNG THỊ QUỲNH NHƯ	10/7/2009	Hạ Long, Quảng Ninh	Dao	Nữ	9	GDCD	11,25	Ba	THCS& THPT Quảng La

TT	Số báo danh	Họ tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Dân tộc	Giới tính	Lớp	Môn thi	Điểm	Giải	Trường THCS
27	90467	NGUYỄN THỊ TÚ QUUYÊN	25/11/2009	Hạ Long, Quảng Ninh	Kinh	Nữ	9	GDCD	12,00	Ba	TH&THCS Tân Dân
28	90468	TRẦN LÝ THU THẢO	02/4/2009	Hoành Bồ - Quảng Ninh	Kinh	Nữ	9	GDCD	9,75	K. Khích	TH&THCS Bằng Cả
29	90470	ĐIỆP THỊ MINH THU	28/02/2009	Hoành Bồ, Quảng Ninh	Kinh	Nữ	9	GDCD	11,00	K. Khích	TH-THCS Thống Nhất
30	90472	TRIỆU HƯƠNG TRÀ	19/12/2009	Hạ Long, Quảng Ninh	Dao	Nữ	9	GDCD	13,75	Nhì	TH&THCS Tân Dân
31	90474	ĐẶNG TRẦN BẢO VY	16/12/2009	Hoành Bồ, Quảng Ninh	Dao	Nữ	9	GDCD	10,50	K. Khích	THCS Lê Lợi

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO QUẢNG NINH
KỲ THI CHỌN HỌC SINH GIỎI CẤP TỈNH THCS

Khóa ngày 06/3/2024

DANH SÁCH HỌC SINH ĐOẠT GIẢI

(Kèm theo Quyết định số 283/QĐ-SGDĐT ngày 25 / 3 / 2024 của Sở GDĐT)

Đơn vị: 92-Phòng GDĐT Quảng Yên

TT	Số báo danh	Họ tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Dân tộc	Giới tính	Lớp	Môn thi	Điểm	Giải	Trường THCS
1	91001	LÊ TRẦN VIỆT ANH	04/12/2009	Uông Bí, Quảng Ninh	Kinh	Nam	9	Toán	10,50	K. Khích	THCS Minh Thành
2	91002	NGUYỄN NGÔ NGỌC BÌNH	09/10/2009	Quảng Yên, Quảng Ninh	Kinh	Nữ	9	Toán	13,75	Ba	THCS Lê Quý Đôn
3	91004	HOÀNG PHẠM ANH ĐỨC	30/11/2009	Quảng Yên, Quảng Ninh	Kinh	Nam	9	Toán	12,00	K. Khích	THCS Lê Quý Đôn
4	91005	ĐẶNG TRUNG HIẾU	24/02/2009	Quảng Yên, Quảng Ninh	Kinh	Nam	9	Toán	10,75	K. Khích	TH&THCS Cẩm La
5	91006	NGUYỄN BÁ HOÀNG	07/7/2010	Uông Bí, Quảng Ninh	Kinh	Nam	8	Toán	10,50	K. Khích	THCS Lê Quý Đôn
6	91007	LÊ GIA HUY	07/01/2009	Uông Bí, Quảng Ninh	Kinh	Nam	9	Toán	17,25	Nhì	THCS Lê Quý Đôn
7	91008	DƯƠNG ANH KHA	15/10/2010	Uông Bí, Quảng Ninh	Kinh	Nam	8	Toán	13,75	Ba	THCS Lê Quý Đôn
8	91009	LÊ BÁ DUY KHÁNH	23/11/2009	Uông Bí, Quảng Ninh	Kinh	Nam	9	Toán	15,00	Ba	THCS Lê Quý Đôn
9	91013	TRẦN NHẬT MINH	15/9/2009	Uông Bí, Quảng Ninh	Kinh	Nam	9	Toán	16,00	Nhì	THCS Minh Thành
10	91014	NGUYỄN HOÀNG NAM	19/9/2009	Uông Bí, Quảng Ninh	Kinh	Nam	9	Toán	12,50	Ba	THCS Minh Thành
11	91015	NGUYỄN DUY PHÚ	07/6/2009	Uông Bí, Quảng Ninh	Kinh	Nam	9	Toán	12,75	Ba	THCS Lê Quý Đôn
12	91016	BÙI MINH QUỐC	10/12/2009	Quảng Yên, Quảng Ninh	Kinh	Nam	9	Toán	18,50	Nhất	THCS Hiệp Hoà
13	91017	VŨ HIẾU TÂY	01/6/2009	Uông Bí, Quảng Ninh	Kinh	Nữ	9	Toán	13,50	Ba	THCS Cộng Hòa
14	91018	LÊ MINH TẤN	06/11/2009	Quảng Yên, Quảng Ninh	Kinh	Nam	9	Toán	15,00	Ba	THCS Phong Cốc
15	91020	VŨ HẢI ĐĂNG	26/9/2009	Quảng Yên, Quảng Ninh	Kinh	Nam	9	Vật lí	16,00	Ba	THCS Lê Quý Đôn
16	91024	ĐINH TIẾN HÙNG	09/5/2009	Uông Bí, Quảng Ninh	Kinh	Nam	9	Vật lí	16,75	Ba	THCS Lê Quý Đôn
17	91025	LÊ ĐĂNG KHOA	31/3/2009	Quảng Yên, Quảng Ninh	Kinh	Nam	9	Vật lí	15,75	Ba	THCS Lê Quý Đôn
18	91027	NGUYỄN HỒNG QUÂN	08/3/2009	Quảng Yên, Quảng Ninh	Kinh	Nam	9	Vật lí	14,50	K. Khích	THCS Sông Khoai
19	91033	BÙI CÔNG DUY	13/01/2009	Uông Bí, Quảng Ninh	Kinh	Nam	9	Hóa học	12,75	K. Khích	THCS Đông Mai
20	91034	LÊ CHÍ DŨNG	22/01/2009	Uông Bí, Quảng Ninh	Kinh	Nam	9	Hóa học	14,25	K. Khích	THCS Lê Quý Đôn
21	91036	NGUYỄN HUY HOÀNG	23/01/2009	Uông Bí, Quảng Ninh	Kinh	Nam	9	Hóa học	15,00	Ba	THCS Đông Mai
22	91037	NGUYỄN PHƯƠNG LINH	16/12/2009	Quảng Yên, Quảng Ninh	Kinh	Nữ	9	Hóa học	15,50	Ba	THCS Lê Quý Đôn

TT	Số báo danh	Họ tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Dân tộc	Giới tính	Lớp	Môn thi	Điểm	Giải	Trường THCS
23	91041	LÊ MINH QUYẾT	14/7/2009	Uông Bí, Quảng Ninh	Kinh	Nam	9	Hóa học	16,00	Ba	THCS Lê Quý Đôn
24	91042	ĐÀM TUẤN TÚ	21/11/2009	Quảng Yên, Quảng Ninh	Kinh	Nam	9	Hóa học	16,25	Ba	THCS Lê Quý Đôn
25	91046	PHẠM HIỀN ANH	08/02/2009	Hồng Bàng, Hải Phòng	Kinh	Nữ	9	Sinh học	15,50	Ba	THCS Lê Quý Đôn
26	91048	NGUYỄN THỊ VÂN CHI	12/01/2009	Uông Bí, Quảng Ninh	Kinh	Nữ	9	Sinh học	14,75	Ba	THCS Minh Thành
27	91052	VŨ THỊ THU HOÀI	17/8/2009	Quảng Yên, Quảng Ninh	Kinh	Nữ	9	Sinh học	18,50	Nhất	THCS Hiệp Hoà
28	91053	NGÔ PHƯỚC HUY	15/5/2009	Uông Bí, Quảng Ninh	Kinh	Nam	9	Sinh học	14,50	K. Khích	THCS Minh Thành
29	91054	LÊ THỊ QUỲNH HƯƠNG	17/7/2009	Quảng Yên, Quảng Ninh	Kinh	Nữ	9	Sinh học	13,75	K. Khích	THCS Phong Cốc
30	91058	ĐINH THỊ THU TRANG	21/11/2009	Uông Bí, Quảng Ninh	Kinh	Nữ	9	Sinh học	18,00	Nhất	THCS Hiệp Hoà
31	91059	ĐOÀN HƯƠNG TRÀ	31/10/2009	Quảng Yên, Quảng Ninh	Kinh	Nữ	9	Sinh học	16,50	Nhì	THCS Hiệp Hoà
32	91063	NGUYỄN NGỌC ANH	13/7/2009	Hồng Bàng, Hải Phòng	Kinh	Nữ	9	Ngữ văn	12,50	K. Khích	THCS Lê Quý Đôn
33	91064	NGUYỄN THỊ NGỌC CHÂU	19/7/2009	Quảng Yên, Quảng Ninh	Kinh	Nữ	9	Ngữ văn	13,00	K. Khích	THCS Lê Quý Đôn
34	91067	NGUYỄN THẢO HIỀN	06/9/2010	Uông Bí, Quảng Ninh	Kinh	Nữ	8	Ngữ văn	12,25	K. Khích	THCS Minh Thành
35	91070	ĐINH THANH HƯƠNG	08/01/2009	Hoàn Kiếm, Hà Nội	Kinh	Nữ	9	Ngữ văn	12,50	K. Khích	THCS Minh Thành
36	91071	NGUYỄN PHONG LAN	26/10/2009	Uông Bí, Quảng Ninh	Kinh	Nữ	9	Ngữ văn	15,50	Nhì	THCS Lê Quý Đôn
37	91072	NGUYỄN THẢO LY	17/5/2009	Quảng Yên, Quảng Ninh	Kinh	Nữ	9	Ngữ văn	13,50	Ba	TH&THCS Sông Khoai
38	91073	NGUYỄN HOÀNG MAI	27/11/2009	Uông Bí, Quảng Ninh	Kinh	Nữ	9	Ngữ văn	14,00	Ba	THCS Minh Thành
39	91075	VŨ MINH NGUYỆT	11/9/2009	Quảng Yên, Quảng Ninh	Kinh	Nữ	9	Ngữ văn	13,00	K. Khích	THCS Cộng Hòa
40	91076	NGUYỄN HOÀNG NHI	14/5/2009	Quỳnh Lưu, Nghệ An	Kinh	Nữ	9	Ngữ văn	12,50	K. Khích	THCS Phong Cốc
41	91078	ĐÀM THỊ NHƯ QUỲNH	12/5/2009	Quảng Yên, Quảng Ninh	Kinh	Nữ	9	Ngữ văn	13,00	K. Khích	THCS Hà An
42	91079	NGUYỄN PHẠM ANH THƠ	25/3/2010	Uông Bí, Quảng Ninh	Kinh	Nữ	8	Ngữ văn	14,00	Ba	THCS Minh Thành
43	91083	NGUYỄN THỊ HOÀI ANH	09/7/2009	Quảng Yên, Quảng Ninh	Kinh	Nữ	9	Lịch sử	12,50	K. Khích	TH&THCS Cẩm La
44	91084	BÙI THỊ QUỲNH CHI	22/12/2009	Quảng Yên, Quảng Ninh	Kinh	Nữ	9	Lịch sử	14,25	Ba	THCS Tiên An
45	91088	VŨ THỊ HỒNG HẠNH	24/9/2010	Quảng Yên, Quảng Ninh	Kinh	Nữ	8	Lịch sử	14,75	Ba	THCS Phong Hải
46	91089	NGÔ KHÁNH HUYỀN	06/8/2010	Quảng Yên, Quảng Ninh	Kinh	Nữ	8	Lịch sử	13,75	K. Khích	THCS Phong Cốc
47	91090	LÊ BĂNG LINH	14/10/2009	Uông Bí, Quảng Ninh	Kinh	Nữ	9	Lịch sử	12,75	K. Khích	THCS Lê Quý Đôn
48	91093	ĐỖ THỊ LOAN	08/5/2009	Quảng Yên, Quảng Ninh	Kinh	Nữ	9	Lịch sử	13,50	K. Khích	THCS Liên Vĩ
49	91094	LÊ THỊ NGỌC	06/3/2009	Vân Đồn, Quảng Ninh	Kinh	Nữ	9	Lịch sử	15,75	Nhì	THCS Phong Hải
50	91096	LÊ NGỌC NHI	10/3/2009	Quảng Yên, Quảng Ninh	Kinh	Nữ	9	Lịch sử	13,00	K. Khích	TH&THCS Hoàng Tân

TT	Số báo danh	Họ tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Dân tộc	Giới tính	Lớp	Môn thi	Điểm	Giải	Trường THCS
51	91098	LÊ THU PHƯƠNG	20/8/2010	Quảng Yên, Quảng Ninh	Kinh	Nữ	8	Lịch sử	14,00	Ba	THCS Phong Cốc
52	91101	PHẠM THANH THẢO	29/3/2009	Quảng Yên, Quảng Ninh	Kinh	Nữ	9	Lịch sử	15,50	Nhì	THCS Tiền An
53	91102	ĐINH THỊ THU	20/01/2009	Quảng Yên, Quảng Ninh	Kinh	Nữ	9	Lịch sử	13,00	K. Khích	THCS Sông Khoai
54	91103	DƯƠNG THỊ QUỲNH TRANG	13/10/2009	Quảng Yên, Quảng Ninh	Kinh	Nữ	9	Lịch sử	13,75	K. Khích	THCS Nam Hòa
55	91108	VŨ HẢI YẾN	26/10/2009	Uông Bí, Quảng Ninh	Kinh	Nữ	9	Lịch sử	15,25	Ba	THCS Lê Quý Đôn
56	91110	NGUYỄN THỊ MINH ANH	12/02/2009	Quảng Yên, Quảng Ninh	Kinh	Nữ	9	Địa lí	12,25	K. Khích	THCS Lê Quý Đôn
57	91111	PHẠM QUỲNH ANH	05/01/2009	Uông Bí, Quảng Ninh	Kinh	Nữ	9	Địa lí	12,25	K. Khích	THCS Lê Quý Đôn
58	91112	PHAN THỊ NGỌC CHINH	07/9/2009	Quảng Yên, Quảng Ninh	Kinh	Nữ	9	Địa lí	12,50	K. Khích	THCS Liên Vị
59	91114	ĐẶNG TIẾN CƯỜNG	19/02/2010	Quảng Yên, Quảng Ninh	Kinh	Nam	8	Địa lí	14,00	Ba	THCS Lê Quý Đôn
60	91116	VŨ THUỶ DƯƠNG	01/7/2009	Quảng Yên, Quảng Ninh	Kinh	Nữ	9	Địa lí	14,75	Ba	THCS Hiệp Hoà
61	91121	ĐỖ THỊ KHÁNH HUYỀN	20/7/2009	Quảng Yên, Quảng Ninh	Kinh	Nữ	9	Địa lí	14,50	Ba	THCS Liên Vị
62	91122	ĐINH NGỌC LIÊN	11/7/2009	Quảng Yên, Quảng Ninh	Kinh	Nữ	9	Địa lí	15,50	Nhì	THCS Lê Quý Đôn
63	91123	NGÔ KHÁNH LINH	31/7/2010	Quảng Yên, Quảng Ninh	Kinh	Nữ	8	Địa lí	15,00	Nhì	THCS Liên Vị
64	91124	ĐINH VŨ HÀ MY	15/6/2009	Hồng Bàng, Hải Phòng	Kinh	Nữ	9	Địa lí	11,50	K. Khích	THCS Lê Quý Đôn
65	91126	LÊ THỊ LAN PHƯƠNG	13/9/2009	Quảng Yên, Quảng Ninh	Kinh	Nữ	9	Địa lí	12,00	K. Khích	THCS Lê Quý Đôn
66	91133	NGUYỄN TIẾN HÙNG	08/3/2009	Quảng Yên, Quảng Ninh	Kinh	Nam	9	Tiếng Anh	12,00	K. Khích	THCS Lê Quý Đôn
67	91136	NGUYỄN VŨ TÙNG	16/10/2010	Uông Bí, Quảng Ninh	Kinh	Nam	8	Tiếng Anh	12,00	K. Khích	THCS Lê Quý Đôn
68	91138	BÙI THANH BÌNH	02/9/2010	Quảng Yên, Quảng Ninh	Kinh	Nữ	8	GDCD	11,75	K. Khích	THCS Tiền An
69	91140	BÙI THỊ CÚC	07/01/2010	Quảng Yên, Quảng Ninh	Kinh	Nữ	8	GDCD	11,50	K. Khích	THCS Liên Vị
70	91141	NGUYỄN THỊ NGỌC DIỆU	14/9/2009	Quảng Yên, Quảng Ninh	Kinh	Nữ	9	GDCD	11,75	K. Khích	TH&THCS Tiền Phong
71	91145	VŨ THANH HƯƠNG	21/02/2009	Uông Bí, Quảng Ninh	Kinh	Nữ	9	GDCD	12,00	K. Khích	THCS Phong Cốc
72	91146	VŨ THU LÊ	19/8/2009	Quảng Yên, Quảng Ninh	Kinh	Nữ	9	GDCD	13,75	Ba	THCS Lê Quý Đôn
73	91147	NGUYỄN MAI LINH	15/12/2009	Quảng Yên, Quảng Ninh	Kinh	Nữ	9	GDCD	12,75	Ba	THCS Lê Quý Đôn
74	91148	NGUYỄN NGỌC LINH	14/11/2009	Bắc Lệnh, Lào Cai	Kinh	Nữ	9	GDCD	12,25	K. Khích	THCS Lê Quý Đôn
75	91149	NGUYỄN PHƯƠNG LINH	18/10/2009	Quảng Yên, Quảng Ninh	Kinh	Nữ	9	GDCD	13,75	Ba	THCS Hà An
76	91150	NGUYỄN THỊ NGỌC MAI	03/02/2009	Quảng Yên, Quảng Ninh	Kinh	Nữ	9	GDCD	14,00	Nhì	THCS Phong Hải
77	91155	NGUYỄN HUY PHONG	22/11/2010	Uông Bí, Quảng Ninh	Kinh	Nam	8	GDCD	13,25	Ba	THCS Lê Quý Đôn
78	91157	ĐẶNG PHƯƠNG THẢO	24/12/2009	Quảng Yên, Quảng Ninh	Kinh	Nữ	9	GDCD	12,75	Ba	THCS Trần Hưng Đạo

TT	Số báo danh	Họ tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Dân tộc	Giới tính	Lớp	Môn thi	Điểm	Giải	Trường THCS
79	91159	NGUYỄN THỊ ANH THU	08/4/2009	Uông Bí, Quảng Ninh	Kinh	Nữ	9	GDCD	14,00	Nhì	THCS Hiệp Hoà
80	91161	ĐẶNG THANH TUYỀN	11/3/2009	Quảng Yên, Quảng Ninh	Kinh	Nữ	9	GDCD	12,25	K. Khích	THCS Yên Hải
81	91162	DƯƠNG THỊ TỐ UYÊN	02/8/2010	Quảng Yên, Quảng Ninh	Kinh	Nữ	8	GDCD	12,25	K. Khích	TH&THCS Cẩm La
82	91165	LÊ KIM HẠ VY	25/3/2010	Uông Bí, Quảng Ninh	Kinh	Nữ	8	GDCD	12,75	Ba	THCS Lê Quý Đôn
83	91166	PHẠM HẢI YẾN	15/01/2010	Bình Lục, Hà Nam	Kinh	Nữ	8	GDCD	12,50	Ba	THCS Trần Hưng Đạo

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO QUẢNG NINH
KỲ THI CHỌN HỌC SINH GIỎI CẤP TỈNH THCS

Khóa ngày 06/3/2024

DANH SÁCH HỌC SINH ĐOẠT GIẢI

(Kèm theo Quyết định số 283/QĐ-SGDĐT ngày 25 / 3 / 2024 của Sở GDĐT)

Đơn vị: 93-Phòng GDĐT Uông Bí

TT	Số báo danh	Họ tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Dân tộc	Giới tính	Lớp	Môn thi	Điểm	Giải	Trường THCS
1	92001	HÀ ĐỨC BÁCH	06/3/2009	Uông Bí - Quảng Ninh	Kinh	Nam	9A1	Toán	10,00	K. Khích	THCS Nguyễn Văn Cừ
2	92002	NGUYỄN MINH ĐỨC	16/02/2009	Uông Bí - Quảng Ninh	Kinh	Nam	9A7	Toán	16,50	Nhì	THCS Nguyễn Trãi
3	92003	ĐINH GIA HÂN	24/01/2009	Uông Bí, Quảng Ninh	Kinh	Nữ	9A4	Toán	12,00	K. Khích	THCS Trung Vương
4	92006	BÙI HOÀNG LONG	18/01/2009	Uông Bí -Quảng Ninh	Kinh	Nam	9A1	Toán	13,75	Ba	THCS Trần Quốc Toàn
5	92007	ĐỖ LÊ MINH	17/01/2009	Uông Bí - Quảng Ninh	Kinh	Nam	9A7	Toán	16,00	Nhì	THCS Nguyễn Trãi
6	92008	LÊ KẾ MINH	28/11/2009	Uông Bí, Quảng Ninh	Kinh	Nam	9A4	Toán	10,50	K. Khích	THCS Trung Vương
7	92009	NGUYỄN TRẦN MINH NGỌC	22/10/2009	Uông Bí -Quảng Ninh	Kinh	Nữ	9A8	Toán	11,50	K. Khích	THCS Trần Quốc Toàn
8	92010	PHẠM THẾ NGỌC	30/12/2009	Uông Bí - Quảng Ninh	Kinh	Nam	9A5	Toán	17,25	Nhì	THCS Nguyễn Trãi
9	92013	ĐỖ BÌNH TÁM	29/5/2009	Uông Bí -Quảng Ninh	Kinh	Nam	9A1	Toán	13,50	Ba	THCS Trần Quốc Toàn
10	92014	BÙI TUẤN ANH	09/10/2009	Uông Bí - Quảng Ninh	Kinh	Nam	9A1	Vật lí	16,50	Ba	THCS Trần Quốc Toàn
11	92015	ĐỖ ĐỨC ANH	08/6/2009	Uông Bí - Quảng Ninh	Kinh	Nam	9A7	Vật lí	14,00	K. Khích	THCS Nguyễn Trãi
12	92016	TRẦN NGỌC PHƯƠNG ANH	05/12/2009	Uông Bí - Quảng Ninh	Kinh	Nữ	9A7	Vật lí	14,25	K. Khích	THCS Nguyễn Trãi
13	92018	NGUYỄN THUỶ DUNG	19/9/2009	Uông Bí - Quảng Ninh	Kinh	Nữ	9A7	Vật lí	17,75	Nhì	THCS Nguyễn Trãi
14	92019	PHẠM ANH DUY	21/02/2009	Uông Bí - Quảng Ninh	Kinh	Nam	9A7	Vật lí	16,50	Ba	THCS Nguyễn Trãi
15	92020	TRẦN HẢI ĐĂNG	02/10/2010	Uông Bí - Quảng Ninh	Kinh	Nam	8A7	Vật lí	14,00	K. Khích	THCS Nguyễn Trãi
16	92022	VŨ TRẦN PHÚC HUNG	04/5/2009	Uông Bí - Quảng Ninh	Kinh	Nam	9A7	Vật lí	18,25	Nhì	THCS Nguyễn Trãi
17	92023	ĐỖ ĐỨC MẠNH	24/8/2009	Uông Bí - Quảng Ninh	Kinh	Nam	9A6	Vật lí	14,25	K. Khích	THCS Nguyễn Trãi
18	92026	DƯƠNG HỮU QUÂN	26/10/2009	Uông Bí - Quảng Ninh	Kinh	Nam	9A7	Vật lí	17,00	Ba	THCS Nguyễn Trãi
19	92032	NHÂM NGỌC HIẾU	06/12/2009	Uông Bí - Quảng Ninh	Kinh	Nam	9A1	Hóa học	13,00	K. Khích	THCS Trần Quốc Toàn
20	92033	ĐINH GIA HUY	10/06/2009	Uông Bí - Quảng Ninh	Kinh	Nam	9A1	Hóa học	14,00	K. Khích	THCS Phương Đông
21	92039	TRẦN MINH ANH	16/5/2010	Uông Bí - Quảng Ninh	Kinh	Nữ	8A1	Sinh học	15,25	Ba	THCS Trung Vương
22	92041	NGUYỄN LÊ THUỶ DƯƠNG	23/6/2009	Uông Bí - Quảng Ninh	Kinh	Nữ	9A4	Sinh học	16,25	Nhì	THCS Trần Quốc Toàn
23	92042	PHẠM TRUNG HIẾU	06/3/2009	Uông Bí- Quảng Ninh	Kinh	Nam	9A2	Sinh học	15,00	Ba	THCS Phương Đông

TT	Số báo danh	Họ tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Dân tộc	Giới tính	Lớp	Môn thi	Điểm	Giải	Trường THCS
24	92043	NGUYỄN BẢO LAN	05/01/2009	Uông Bí - Quảng Ninh	Kinh	Nữ	9A	Sinh học	14,75	Ba	Thực hành Sư phạm
25	92044	DƯƠNG HÀ LINH	14/4/2009	Uông Bí - Quảng Ninh	Kinh	Nữ	9A7	Sinh học	14,75	Ba	THCS Nguyễn Trãi
26	92045	NGUYỄN HẢI LINH	08/02/2010	Uông Bí - Quảng Ninh	Kinh	Nữ	8A5	Sinh học	16,00	Nhì	THCS Phương Đông
27	92046	LÝ CAO MINH	25/8/2009	Uông Bí, Quảng Ninh	Kinh	Nữ	9A3	Sinh học	15,00	Ba	THCS Trung Vương
28	92047	NGUYỄN TIẾN MINH	03/4/2009	Uông Bí- Quảng Ninh	Kinh	Nam	9A1	Sinh học	13,75	K. Khích	THCS Phương Đông
29	92048	TẠ ĐỨC SƠN	05/01/2009	Uông Bí - Quảng Ninh	Kinh	Nam	9A1	Sinh học	13,50	K. Khích	THCS Trần Quốc Toàn
30	92050	BÙI MINH ĐỨC	20/6/2010	Uông Bí - Quảng Ninh	Kinh	Nam	8A1	Tin học	14,30	Nhì	THCS Nguyễn Trãi
31	92051	PHÙNG VĂN ĐỨC	19/10/2010	Uông Bí - Quảng Ninh	Kinh	Nam	8A1	Tin học	8,25	K. Khích	THCS Nguyễn Trãi
32	92054	ĐÀO TIẾN THỊNH	29/7/2010	Uông Bí - Quảng Ninh	Kinh	Nam	8A7	Tin học	14,65	Nhì	THCS Nguyễn Trãi
33	92055	LÊ HOÀNG TÙNG	09/01/2010	Uông Bí - Quảng Ninh	Kinh	Nam	8A1	Tin học	14,75	Nhất	THCS Nguyễn Trãi
34	92056	NGUYỄN HIỀN ANH	21/7/2009	Uông Bí - Quảng Ninh	Kinh	Nữ	9A1	Ngữ văn	12,50	K. Khích	THCS Trần Quốc Toàn
35	92058	LÊ NGỌC HÀ	22/5/2009	Uông Bí, Quảng Ninh	Kinh	Nữ	9A4	Ngữ văn	13,25	Ba	THCS Trung Vương
36	92059	NGÔ MAI KHUÊ	20/7/2010	Uông Bí - Quảng Ninh	Kinh	Nữ	8A8	Ngữ văn	16,50	Nhất	THCS Trần Quốc Toàn
37	92061	HÀ KIỀU LINH	01/01/2009	Uông Bí - Quảng Ninh	Kinh	Nữ	9A6	Ngữ văn	15,00	Nhì	THCS Trần Quốc Toàn
38	92062	NGUYỄN THIÊN MỸ	16/4/2009	Uông Bí, Quảng Ninh	Kinh	Nữ	9A1	Ngữ văn	15,00	Nhì	THCS Trung Vương
39	92063	NGUYỄN GIA NHƯ	27/02/2009	Uông Bí - Quảng Ninh	Kinh	Nữ	9A1	Ngữ văn	13,75	Ba	THCS Phương Đông
40	92064	NGUYỄN MAI TRANG	21/02/2009	Uông Bí - Quảng Ninh	Kinh	Nữ	9A2	Ngữ văn	14,50	Ba	THCS Phương Đông
41	92066	NGUYỄN THỊ TÚ UYÊN	18/3/2009	BV phụ sản Trung Ương	Kinh	Nữ	9A6	Ngữ văn	13,00	K. Khích	THCS Trần Quốc Toàn
42	92067	PHẠM HỒNG YẾN	20/9/2009	Uông Bí, Quảng Ninh	Kinh	Nữ	9A4	Ngữ văn	13,50	Ba	THCS Trung Vương
43	92068	ĐÀM MINH ANH	22/5/2009	Uông Bí - Quảng Ninh	Kinh	Nữ	9A1	Lịch sử	15,50	Nhì	THCS Nguyễn Văn Cừ
44	92069	HOÀNG NGỌC ÁNH	17/01/2009	Thịệu Hoá-Thanh Hoá	Kinh	Nữ	9A7	Lịch sử	13,50	K. Khích	THCS Nguyễn Trãi
45	92072	VŨ THANH HUYỀN	14/01/2009	Uông Bí - Quảng Ninh	Kinh	Nữ	9A2	Lịch sử	15,75	Nhì	THCS Phương Đông
46	92073	VŨ DƯƠNG LINH	17/10/2009	Uông Bí - Quảng Ninh	Kinh	Nữ	9A1	Lịch sử	14,00	Ba	THCS Phương Nam
47	92075	PHẠM DIỆU THÙY	10/6/2009	Uông Bí - Quảng Ninh	Kinh	Nữ	9A1	Lịch sử	15,00	Ba	THCS Trần Quốc Toàn
48	92076	VŨ TIẾN ĐỨC	24/5/2009	Uông Bí, Quảng Ninh	Kinh	Nam	9A	Địa lí	12,25	K. Khích	THCS Bắc Sơn
49	92079	VŨ NGUYỄN ÁNH TUYẾT	11/8/2009	Uông Bí - Quảng Ninh	Kinh	Nữ	9A3	Địa lí	12,50	K. Khích	THCS Phương Nam
50	92080	HÀ VÂN	08/02/2009	Uông Bí - Quảng Ninh	Kinh	Nữ	9A8	Địa lí	11,75	K. Khích	THCS Nguyễn Trãi
51	92081	ĐỖ THỊ DIỆU AN	23/6/2010	Quỳnh Lưu - Nghệ An	Kinh	Nữ	8A1	Tiếng Anh	14,00	Ba	THCS Nguyễn Trãi

TT	Số báo danh	Họ tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Dân tộc	Giới tính	Lớp	Môn thi	Điểm	Giải	Trường THCS
52	92083	BÙI VŨ MINH ANH	24/5/2010	Uông Bí - Quảng Ninh	Kinh	Nữ	8A1	Tiếng Anh	12,50	K. Khích	THCS Nguyễn Trãi
53	92086	NGUYỄN THỊ NGỌC ÁNH	11/02/2010	Uông Bí- Quảng Ninh	Kinh	Nữ	8A8	Tiếng Anh	12,50	K. Khích	THCS Trần Quốc Toàn
54	92087	VŨ TẮT THÀNH ĐẠT	24/9/2010	Uông Bí - Quảng Ninh	Kinh	Nam	8	Tiếng Anh	12,80	K. Khích	Thực hành Sư phạm
55	92088	LƯU MINH HIỀN	27/10/2009	Uông Bí - Quảng Ninh	Kinh	Nữ	9A7	Tiếng Anh	12,20	K. Khích	THCS Nguyễn Trãi
56	92090	HOÀNG CHÍ MINH	23/02/2009	Uông Bí - Quảng Ninh	Kinh	Nam	9A1	Tiếng Anh	12,20	K. Khích	THCS Phương Nam
57	92092	TRƯƠNG TIẾN THÀNH	11/8/2009	Uông Bí - Quảng Ninh	Kinh	Nam	9A1	Tiếng Anh	14,40	Ba	THCS Trần Quốc Toàn
58	92097	TRIỆU THỊ MAI ANH	07/9/2009	Uông Bí - Quảng Ninh	Dao	Nữ	9B	GDCD	11,75	K. Khích	THCS Lý Tự Trọng
59	92102	ĐỖ BẢO MINH	26/4/2009	Hạ Long - Quảng Ninh	Kinh	Nữ	9A2	GDCD	11,50	K. Khích	THCS Nguyễn Văn Cừ
60	92104	NGUYỄN BẢO PHƯƠNG	03/11/2010	Uông Bí - Quảng Ninh	Kinh	Nữ	8A7	GDCD	14,25	Nhì	THCS Nguyễn Trãi
61	92105	LÊ ANH THU	29/11/2009	Hung Hà, Thái Bình	Kinh	Nữ	9B	GDCD	13,75	Ba	THCS Bắc Sơn
62	92107	VŨ HÀ VY	15/3/2010	Uông Bí, Quảng Ninh	Kinh	Nữ	8A4	GDCD	11,50	K. Khích	THCS Phương Đông

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO QUẢNG NINH
KỲ THI CHỌN HỌC SINH GIỎI CẤP TỈNH THCS

Khóa ngày 06/3/2024

DANH SÁCH HỌC SINH ĐẠT GIẢI

(Kèm theo Quyết định số 283/QĐ-SGDĐT ngày 25 / 3 / 2024 của Sở GDĐT)

Đơn vị: 94-Phòng GDĐT Đông Triều

TT	Số báo danh	Họ tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Dân tộc	Giới tính	Lớp	Môn thi	Điểm	Giải	Trường THCS
1	93002	NGUYỄN MINH ĐỨC	12/7/2009	Uông Bí, Quảng Ninh	Kinh	Nam	9D3	Toán	14,75	Ba	THCS Mạo Khê I
2	93003	NGUYỄN NHẬT HẠO	25/6/2009	Kinh Môn, Hải Dương	Kinh	Nam	9D1	Toán	13,25	Ba	THCS Mạo Khê II
3	93004	NGUYỄN THUỖ LINH	12/02/2009	Đông Triều, Quảng Ninh	Kinh	Nữ	9D2	Toán	11,75	K. Khích	THCS Nguyễn Du
4	93006	VŨ TUẤN MINH	03/01/2009	Uông Bí, Quảng Ninh	Kinh	Nam	9D3	Toán	12,50	Ba	THCS Mạo Khê II
5	93007	PHÙNG KHÔI NGUYỄN	07/10/2009	Uông Bí, Quảng Ninh	Kinh	Nam	9D3	Toán	12,00	K. Khích	THCS Mạo Khê I
6	93011	ĐÀO XUÂN QUÝ	17/11/2009	Đông Triều, Quảng Ninh	Kinh	Nam	9D1	Toán	11,00	K. Khích	THCS Nguyễn Du
7	93012	ĐỖ ĐẮC THỊNH	29/11/2009	Uông Bí, Quảng Ninh	Kinh	Nam	9D3	Toán	17,25	Nhì	THCS Mạo Khê II
8	93022	VŨ ĐỨC TUẤN	29/10/2009	Uông Bí, Quảng Ninh	Kinh	Nam	9C	Vật lí	16,50	Ba	THCS Xuân Sơn
9	93023	VŨ ĐỨC TÚ	29/10/2009	Uông Bí, Quảng Ninh	Kinh	Nam	9C	Vật lí	15,25	K. Khích	THCS Xuân Sơn
10	93024	NGUYỄN QUANG VINH	08/5/2010	Đông Triều, Quảng Ninh	Kinh	Nam	8A	Vật lí	15,50	K. Khích	THCS Xuân Sơn
11	93025	VŨ TIẾN ĐẠT	10/6/2009	Uông Bí, Quảng Ninh	Kinh	Nam	9D3	Hóa học	13,75	K. Khích	THCS Mạo Khê I
12	93026	LÊ ĐỨC TRUNG KIÊN	06/5/2009	Uông Bí, Quảng Ninh	Kinh	Nam	9D3	Hóa học	18,00	Nhì	THCS Tràng An
13	93027	TRẦN TUẤN KIẾT	07/9/2009	Uông Bí, Quảng Ninh	Kinh	Nam	9D3	Hóa học	16,00	Ba	THCS Mạo Khê II
14	93028	NGUYỄN TÙNG LÂM	15/9/2009	Uông Bí, Quảng Ninh	Kinh	Nam	9D3	Hóa học	13,25	K. Khích	THCS Mạo Khê I
15	93029	HOÀNG NGỌC LINH	27/10/2009	Uông Bí, Quảng Ninh	Kinh	Nữ	9D3	Hóa học	14,00	K. Khích	THCS Mạo Khê II
16	93030	TRỊNH NHẬT LINH	25/6/2009	BV phụ sản Hải Phòng	Kinh	Nam	9D3	Hóa học	19,50	Nhất	THCS Tràng An
17	93031	ĐỖ THÀNH LONG	25/5/2009	Đông Triều, Quảng Ninh	Kinh	Nam	9D3	Hóa học	18,75	Nhì	THCS Tràng An
18	93033	LÊ HOÀI THU	28/7/2009	Đông Triều, Quảng Ninh	Kinh	Nữ	9D3	Hóa học	14,75	Ba	THCS Nguyễn Du
19	93034	LÊ THỊ THANH TRÚC	19/7/2009	Uông Bí, Quảng Ninh	Kinh	Nữ	9D3	Hóa học	15,25	Ba	THCS Mạo Khê II
20	93036	NGUYỄN PHẠM QUỲNH ANH	11/3/2009	Uông Bí, Quảng Ninh	Kinh	Nữ	9D3	Sinh học	13,75	K. Khích	THCS Mạo Khê II
21	93037	LÊ TIẾN DŨNG	19/3/2009	Đông Triều, Quảng Ninh	Kinh	Nam	9B	Sinh học	16,25	Nhì	TH&THCS Tân Việt
22	93038	NGUYỄN ANH ĐỨC	25/3/2009	Đông Triều, Quảng Ninh	Kinh	Nam	9B	Sinh học	16,00	Nhì	TH&THCS Tân Việt
23	93039	VƯƠNG NGỌC HẠ	02/12/2010	Đông Triều, Quảng Ninh	Kinh	Nữ	8B	Sinh học	14,50	K. Khích	THCS Hưng Đạo
24	93040	LƯU THỊ HẢI	28/8/2009	Uông Bí, Quảng Ninh	Kinh	Nữ	9C	Sinh học	14,25	K. Khích	THCS Hoàng Quế
25	93042	NGUYỄN THỊ BẢO LINH	28/12/2009	Uông Bí, Quảng Ninh	Kinh	Nữ	9D3	Sinh học	14,75	Ba	THCS Nguyễn Đức Cảnh

TT	Số báo danh	Họ tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Dân tộc	Giới tính	Lớp	Môn thi	Điểm	Giải	Trường THCS
26	93043	ĐỖ KIM NGÂN	25/10/2010	Uông Bí, Quảng Ninh	Kinh	Nữ	8B	Sinh học	14,25	K. Khích	THCS Hoàng Quế
27	93044	NGUYỄN KIM NGÂN	26/01/2009	Uông Bí, Quảng Ninh	Kinh	Nữ	9D3	Sinh học	14,00	K. Khích	THCS Mạo Khê II
28	93045	ĐẶNG KHÁNH PHƯƠNG	24/3/2009	Đông Triều, Quảng Ninh	Kinh	Nữ	9D3	Sinh học	14,25	K. Khích	THCS Nguyễn Đức Cảnh
29	93047	VI THỊ THÙY	13/9/2009	Đông Triều, Quảng Ninh	Tày	Nữ	9D1	Sinh học	16,50	Nhì	THCS Bình Khê
30	93049	TRẦN QUỲNH ANH	19/4/2010	Uông Bí, Quảng Ninh	Kinh	Nữ	8C3	Tin học	9,70	K. Khích	THCS Nguyễn Du
31	93051	NGUYỄN TRỌNG KHÁNH DUY	26/7/2010	BVĐK tỉnh Hưng Yên	Kinh	Nam	8C2	Tin học	10,50	Ba	THCS Mạo Khê II
32	93052	TÔ HOÀNG HẢI ĐĂNG	27/6/2009	BV đa khoa tỉnh Quảng Ninh	Kinh	Nam	9D1	Tin học	8,85	K. Khích	THCS Kim Sơn
33	93053	NGUYỄN TRỌNG HOÀNG	06/9/2011	Uông Bí, Quảng Ninh	Kinh	Nam	7B6	Tin học	8,70	K. Khích	THCS Mạo Khê II
34	93054	PHẠM GIA HUY	19/4/2011	Uông Bí, Quảng Ninh	Kinh	Nam	7B8	Tin học	8,55	K. Khích	THCS Mạo Khê II
35	93055	VŨ TRẦN NGỌC HÙNG	08/6/2009	Uông Bí, Quảng Ninh	Kinh	Nam	9D3	Tin học	13,40	Ba	THCS Nguyễn Đức Cảnh
36	93059	NGUYỄN TUỆ MINH	16/02/2010	Đông Triều, Quảng Ninh	Kinh	Nam	8C2	Tin học	10,65	Ba	THCS Kim Sơn
37	93061	BÙI MINH TIẾN	01/01/2010	Đông triều, Quảng Ninh	Kinh	Nam	8B	Tin học	10,35	K. Khích	THCS Hoàng Quế
38	93067	NGÔ LINH ĐAN	16/9/2009	Bệnh viện phụ sản Hà Nội	Kinh	Nữ	9D1	Ngữ văn	12,75	K. Khích	THCS Mạo Khê II
39	93072	HOÀNG KHÁNH HUYỀN	24/3/2009	Uông Bí, Quảng Ninh	Kinh	Nữ	9D3	Ngữ văn	12,75	K. Khích	THCS Mạo Khê II
40	93082	ĐỖ THỊ THANH THẢO	16/11/2009	Đông Triều, Quảng Ninh	Kinh	Nữ	9C	Ngữ văn	12,50	K. Khích	THCS Hưng Đạo
41	93085	NGUYỄN KIM CHI	06/01/2011	Đông Triều, Quảng Ninh	Kinh	Nữ	7B1	Lịch sử	14,25	Ba	THCS Nguyễn Du
42	93088	PHAN ĐỨC HÙNG	15/9/2009	Uông Bí, Quảng Ninh	Tày	Nam	9D1	Lịch sử	13,25	K. Khích	THCS Nguyễn Du
43	93089	LÊ HẢI LINH	24/7/2009	Đông Triều, Quảng Ninh	Kinh	Nam	9A	Lịch sử	13,25	K. Khích	THCS Bình Dương
44	93095	VŨ ĐỨC VINH	17/12/2009	Uông Bí, Quảng Ninh	Kinh	Nam	9D3	Lịch sử	13,00	K. Khích	THCS Lê Hồng Phong
45	93096	ĐINH VĂN BẢO	01/3/2009	Đông Triều, Quảng Ninh	Kinh	Nam	9B	Địa lí	13,75	Ba	THCS Bình Dương
46	93097	PHẠM THỊ DIỆU CHÂU	15/8/2009	Uông Bí, Quảng Ninh	Kinh	Nữ	9D3	Địa lí	12,25	K. Khích	THCS Lê Hồng Phong
47	93098	ĐINH THỊ QUỲNH CHI	09/02/2009	Đông Triều, Quảng Ninh	Kinh	Nữ	9A	Địa lí	14,75	Ba	THCS Bình Dương
48	93099	HÀ THÙY DUNG	05/5/2009	Đông Triều, Quảng Ninh	Kinh	Nữ	9D2	Địa lí	13,25	Ba	THCS Kim Sơn
49	93100	PHẠM THỊ HẰNG	15/02/2010	Kinh Môn, Hải Dương	Kinh	Nữ	8C3	Địa lí	15,00	Nhì	THCS Mạo Khê I
50	93101	PHẠM THÚY HẰNG	27/02/2009	Uông Bí, Quảng Ninh	Kinh	Nữ	9C	Địa lí	15,75	Nhì	THCS Hoàng Quế
51	93102	NGUYỄN HUY HOÀNG	24/10/2009	BVĐK Thái Nguyên	Nùng	Nam	9D1	Địa lí	12,75	Ba	THCS Bình Khê
52	93103	NGUYỄN NGỌC LAN	18/02/2009	Uông Bí, Quảng Ninh	Kinh	Nữ	9A	Địa lí	13,75	Ba	THCS Hồng Thái Đông
53	93105	BÙI DUY LONG	03/02/2009	Uông Bí, Quảng Ninh	Kinh	Nam	9D3	Địa lí	15,25	Nhì	THCS Mạo Khê I
54	93106	PHẠM XUÂN MAI	01/8/2010	Lục Ngạn - Bắc Giang	Kinh	Nữ	8B	Địa lí	13,50	Ba	THCS Hưng Đạo
55	93109	BÙI YẾN NHI	17/8/2009	Hạ Long - Quảng Ninh	Kinh	Nữ	9A	Địa lí	14,75	Ba	THCS Nguyễn Huệ

TT	Số báo danh	Họ tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Dân tộc	Giới tính	Lớp	Môn thi	Điểm	Giải	Trường THCS
56	93110	PHẠM THỊ YẾN NHI	04/4/2009	Đông Triều - Quảng Ninh	Kinh	Nữ	9B	Địa lí	13,75	Ba	THCS Nguyễn Huệ
57	93112	NGUYỄN PHƯƠNG THẢO	12/8/2009	Đông Triều, Quảng Ninh	Kinh	Nữ	9D2	Địa lí	13,50	Ba	THCS Kim Sơn
58	93113	NGUYỄN QUỐC THỊNH	21/9/2009	Đông Triều, Quảng Ninh	Kinh	Nam	9B	Địa lí	14,75	Ba	THCS Đức Chính
59	93114	HÀ ANH THƠ	26/11/2009	Uông Bí, Quảng Ninh	Kinh	Nữ	9D3	Địa lí	16,25	Nhất	THCS Mạo Khê I
60	93115	HOÀNG KHÁNH TOÀN	01/4/2010	Uông Bí, Quảng Ninh	Kinh	Nam	8C3	Địa lí	14,75	Ba	THCS Mạo Khê I
61	93116	NGUYỄN BẢO VI	10/5/2010	Uông Bí, Quảng Ninh	Kinh	Nữ	8D	Địa lí	14,00	Ba	THCS Hoàng Quế
62	93117	NGUYỄN THỊ THẢO VI	25/8/2009	Đông Triều, Quảng Ninh	Kinh	Nữ	9D4	Địa lí	16,00	Nhất	THCS Mạo Khê I
63	93124	VƯƠNG MINH HẰNG	12/5/2010	Uông Bí, Quảng Ninh	Kinh	Nữ	8B	Tiếng Anh	12,30	K. Khích	THCS Hưng Đạo
64	93128	NGUYỄN ĐĂNG TUẤN MINH	26/01/2010	Uông Bí, Quảng Ninh	Kinh	Nam	8C2	Tiếng Anh	12,20	K. Khích	THCS Mạo Khê II
65	93130	HOÀNG HỒNG NGÂN	28/5/2009	BV Bạch Mai, Hà Nội	Kinh	Nữ	9D2	Tiếng Anh	13,80	Ba	THCS Nguyễn Du
66	93143	ĐẶNG ÁNH DƯƠNG	03/4/2010	Uông Bí, Quảng Ninh	Kinh	Nữ	8C2	Tiếng Pháp	16,10	Nhất	THCS Mạo Khê II
67	93145	TRẦN MINH KHÁNH	08/12/2010	Uông Bí, Quảng Ninh	Kinh	Nam	8C3	Tiếng Pháp	12,10	K. Khích	THCS Mạo Khê II
68	93146	HOÀNG THÙY LINH	12/7/2010	Uông Bí, Quảng Ninh	Kinh	Nữ	8C4	Tiếng Pháp	12,65	K. Khích	THCS Mạo Khê II
69	93148	PHAN THỊ KHÁNH LINH	01/01/2010	Uông Bí, Quảng Ninh	Kinh	Nữ	8C3	Tiếng Pháp	12,35	K. Khích	THCS Mạo Khê II
70	93149	VŨ THIÊN NGÀ	11/5/2020	Uông Bí, Quảng Ninh	Kinh	Nữ	8C4	Tiếng Pháp	14,20	Ba	THCS Mạo Khê II
71	93151	TRỊNH KHÔI NGUYỄN	07/01/2010	Uông Bí, Quảng Ninh	Kinh	Nam	8C3	Tiếng Pháp	14,35	Ba	THCS Mạo Khê II
72	93152	BÙI BẢO PHƯƠNG	24/10/2010	BV Phụ sản Hải Phòng	Kinh	Nữ	8C4	Tiếng Pháp	15,50	Nhì	THCS Mạo Khê II
73	93153	ĐỒNG THỊ HÀ PHƯƠNG	20/3/2010	BVĐK Kim Thành, Hải Dương	Kinh	Nữ	8C2	Tiếng Pháp	12,55	K. Khích	THCS Mạo Khê II
74	93154	NGUYỄN HUYỀN PHƯƠNG	07/7/2010	BV Phụ sản Trung ương	Kinh	Nữ	8C2	Tiếng Pháp	15,25	Nhì	THCS Mạo Khê II
75	93157	TRỊNH MAI TRANG	06/02/2010	Uông Bí, Quảng Ninh	Kinh	Nữ	8C2	Tiếng Pháp	14,60	Ba	THCS Mạo Khê II
76	93158	NGUYỄN NGỌC ANH	29/01/2010	BV Phụ sản Trung ương, Hà Nội	Kinh	Nữ	8C3	GDCD	13,50	Ba	THCS Nguyễn Du
77	93166	VŨ THỊ MAI HƯƠNG	16/10/2010	Đông Triều, Quảng Ninh	Kinh	Nữ	8C3	GDCD	11,50	K. Khích	THCS Yên Thọ
78	93168	ĐỖ TRÀ MY	05/8/2009	Vân Đồn, Quảng Ninh	Kinh	Nữ	9D2	GDCD	12,75	Ba	THCS Tràng An
79	93170	ĐÀO MẠNH NGHĨA	30/11/2009	Khoái Châu, Hưng Yên	Kinh	Nam	9B	GDCD	11,50	K. Khích	THCS Đức Chính
80	93175	NGUYỄN TRANG HOÀNG YẾN	19/6/2010	Uông Bí, Quảng Ninh	Kinh	Nữ	8C2	GDCD	14,25	Nhì	THCS Nguyễn Đức Cảnh